

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Hoàng Thị Phương Chinh**

**HẢI PHÒNG – 2023**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ  
ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Hoàng Thị Phương Chinh  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG – 2023**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Phương Chinh

Mã SV: 1912401010

Lớp : QT2301K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH SinChi Việt Nam.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán)**

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán tài sản cố định.  
- Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH SinChi Việt Nam.

- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH SinChi Việt Nam trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

## **2. Các tài liệu, số liệu cần thiết**

- Suu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH SinChi Việt Nam.

- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH SinChi Việt Nam, sử dụng số liệu năm 2022.

### **Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

Công ty TNHH SinChi Việt Nam.

Địa chỉ: Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghệ Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

# CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Họ và tên** : Nguyễn Văn Thụ

**Học hàm, học vị** : Thạc sĩ

**Cơ quan công tác** : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

**Nội dung hướng dẫn:** Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH SinChi Việt Nam

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 3 năm 2023

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 17 tháng 6 năm 2023

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2023*

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Văn Thu*  
Đơn vị công tác: *Khoa Quản trị kinh doanh*  
Họ và tên sinh viên: *Hoàng Thị Phương Chinh* Chuyên ngành: *Kế toán - Kiểm toán*  
Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH SinChi Việt Nam

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn   
*Hải Phòng, ngày 19 tháng 06 năm 2023*  
**Giảng viên hướng dẫn**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ths. Nguyễn Văn Thu*

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>3</b>
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định.....	3
1.1.1.1. Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định.....	3
1.1.1.2. Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định.....	3
1.1.2. Phân loại và đánh giá tài sản cố định.....	5
1.1.2.1. Phân loại tài sản cố định.....	5
1.1.2.2. Đánh giá Tài sản cố định.....	8
1.1.3. Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	14
1.1.3.1. Nguyên tắc quản lý tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	14
1.1.3.2. Nhiệm vụ của tài sản cố định.....	15
1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.....	15
1.2.1. Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	15
1.2.2. Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ trong doanh nghiệp.....	16
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....	16
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán TSCĐ.....	18
1.2.3.1. Nguyên tắc khấu hao tài sản cố định.....	19
1.2.3.2. Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định.....	19
1.2.3.3. Các phương pháp trích khấu hao của tài sản cố định.....	20
1.2.3.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	23
1.2.3.5. Phương pháp hạch toán.....	24
1.2.4. Kế toán sửa chữa tài sản cố định.....	25
1.2.4.1. Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định.....	25
1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.....	26
1.3.1. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký chung.....	26
1.3.2. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	28
1.3.3. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký – Chứng từ.....	28
1.3.4. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	29
1.3.5. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	31
<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM.....</b>	<b>32</b>

2.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM.	32
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	32
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sinchi Việt Nam. ....	33
Đặc điểm sản xuất.....	33
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	34
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Sinchi Việt Nam. ....	36
2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	36
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.....	37
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.....	38
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM. ....	39
2.2.1. Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty. ....	39
2.2.2. Kế toán chi tiết tài sản cố định tại công ty. ....	40
2.2.3. Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam.....	55
2.2.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định.....	62
2.2.5. Kế toán sửa chữa tài sản cố định. ....	69
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM. ....</b>	<b>79</b>
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY.....	79
3.1.1. Ưu điểm.....	79
3.1.2. Hạn chế.....	80
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM. ....	81
3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Sinchi Việt Nam. ....	81
3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác Tài sản cố định tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam. ....	82
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>88</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>89</b>



## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH SinChi Việt Nam. ....	34
Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty TNHH SinChi Việt Nam. ....	36
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật kí chung. ....	38

## DANH MỤC BIỂU

Biểu số 2.1: Hợp đồng mua bán hàng hóa...	42
Biểu số 2.2: Hóa đơn mua bán hàng hóa .....	44
Biểu số 2.3: Biên bản bàn giao TSCĐ. ....	45
Biểu số 2.4: Thẻ TSCĐ .....	46
Biểu số 2.5: Giấy báo nợ.....	47
Biểu số 2.6: Ủy nhiệm chi.....	48
Biểu số 2.7: Biên bản thanh lý TSCĐ.....	50
Biểu số 2.8: Giấy báo có .....	51
Biểu số 2.9: Thẻ TSCĐ .....	52
Biểu số 2.10: Sổ chi tiết TK 211 .....	53
Biểu số 2.11: Sổ tổng hợp TSCĐ.....	54
Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT .....	57
Biểu số 2.13: Giấy báo có .....	58
Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT .....	59
Biểu số 2.15: Nhật kí chung.....	60
Biểu số 2.16: Sổ Cái TK 211 .....	61
Biểu số 2.17: Bảng tính & phân bổ khấu hao TSCĐ.....	65
Biểu số 2.18: Sổ nhật kí chung.....	66
Biểu số 2.19: Sổ Cái TK 214 .....	68
Biểu số 2.20: Hóa đơn GTGT .....	72
Biểu số 2.21: Phiếu chi.....	73
Biểu số 2.22: Hóa đơn.....	74
Biểu số 2.23: Phiếu chi.....	75
Biểu số 2.24: Sổ nhật kí chung.....	75
Biểu số 2.25: Sổ Cái TK 642 .....	78

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, đặc biệt khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức kinh tế thương mại thế giới WTO thì việc cạnh tranh giữa nền kinh tế trong nước các nền kinh tế khác trên thế giới là điều tất yếu. Điều này đặt ra cho doanh nghiệp Việt Nam một câu hỏi lớn là làm sao để sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất. Trong khi nền kinh tế trong nước còn non trẻ và chưa có nhiều kinh nghiệm ở thị trường quốc tế thì đây càng là một câu hỏi khó cho nhà quản lí và những người làm công tác kế toán trong các doanh nghiệp.

Để tiến hành sản xuất kinh doanh thì phải hội tụ đủ 3 yếu tố: Đối tượng lao động, tư liệu lao động, sức lao động. Trong đó tư liệu lao động là yếu tố rất quan trọng, tài sản cố định là những tư liệu có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài. Tài sản cố định trực tiếp tham gia vào quá trình kinh doanh, giá trị hao mòn của nó được chuyển dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ hay vào giá thành sản phẩm dưới hình thức khấu hao.

Tài sản cố định phải trải qua nhiều chu kì kinh doanh mới hoàn đủ một vòng quay của vốn bỏ ra ban đầu. Như vậy kế toán Tài sản cố định là một nhiệm vụ tất yếu. Nó là một phần trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lí quản lí tốt số vốn bỏ ra ban đầu để có biện pháp điều hành sản xuất kinh doanh một cách hợp lí và đề ra những phương hướng đúng đắn, nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh và khẳng định được vị thế và doanh nghiệp trên thị trường.

Qua thực tế tìm hiểu và lý thuyết được học ở trường, nhận thức được tầm quan trọng của tài sản cố định trong doanh nghiệp em quyết định chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán Tài sản cố định tại Công ty TNHH SinChi Việt Nam” làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, bài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH SinChi Việt Nam.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH SinChi Việt Nam.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự hướng dẫn nhiệt tình của Ban giám đốc, các chị trong phòng kế toán của Công ty và thầy giáo hướng dẫn. Vì trình độ còn hạn chế và thời gian có hạn nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, Ngày    tháng    năm 2023  
Sinh viên

Hoàng Thị Phương Chinh

# CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.

## 1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.

### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định.

#### 1.1.1.1. Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định.

- *Khái niệm:*

Tài sản cố định (TSCĐ) của doanh nghiệp là những tài sản chủ yếu có giá trị lớn tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh giá trị của nó được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm trong các chu kỳ sản xuất.

- *Đặc điểm:*

Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, TSCĐ có những đặc điểm:

- + Tham gia trực tiếp, gián tiếp vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh.
- + Tài sản cố định hữu hình khi tham gia vào sản xuất kinh doanh, mặc dù bị hao mòn về giá trị song vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng phải loại bỏ.
- + Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, tài sản cố định bị hao mòn dần và giá trị của chúng được chuyển dịch từng phần vào giá thành của sản phẩm làm ra dưới hình thức khấu hao.

#### 1.1.1.2. Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định.

Căn cứ theo điều 3 TT 45/2013/ TT-BTC của Bộ Tài Chính Quy định Tiêu chuẩn và nhận biết Tài sản cố định hữu hình, vô hình cụ thể như sau:

1) *Điều kiện ghi nhận TSCĐ hữu hình:*

- TSCĐ hữu hình là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ hữu hình, tham gia nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải,....

- Tư liệu lao động là những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ bộ phận nào thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là TSCĐ:

- a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

- b) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên.

Chi tiết một số trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng TSCĐ đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thỏa mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình độc lập.

- Đối với súc vật làm việc, hoặc cho sản phẩm, thì từng con súc vật thỏa mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình.

- Đối với vườn cây lâu năm thì từng mảnh vườn cây, hoặc cây thỏa mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình.

2) *Điều kiện ghi nhận TSCĐ vô hình:*

- TSCĐ vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ vô hình, tham gia nhiều chu kỳ kinh doanh như một chi phí liên quan trực tiếp tới đất sử dụng; chi phí về quyền phát hành, bằng phát minh, bằng sáng chế, bản quyền tác giả,....

- TSCĐ vô hình gồm: Quyền sử dụng đất, quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, các chương trình phần mềm,....

Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình: Một khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 QĐ số 149/2001/QĐ- BTC mà không hình thành TSCĐ hữu hình được coi là TSCĐ vô hình.

- Những chi phí không đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 QĐ số 149/2001/QĐ- BTC thì được hạch toán trực tiếp hoặc đưa phân bổ vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trước khi thành lập doanh nghiệp, chi phí cho giai đoạn nghiên cứu, chi phí chuyển dịch địa điểm, chi phí mua để có và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, giấy phép chuyển giao công nghệ, nhãn hiệu thương mại, lợi thế kinh doanh.

- Riêng các chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là TSCĐ vô hình tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp thỏa mãn đồng thời 7 điều kiện sau:
  - a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán;
  - b) Doanh nghiệp dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;
  - c) Doanh nghiệp có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;
  - d) Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai;
  - e) Có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;
  - f) Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho TSCĐ vô hình.

*Lưu ý:* Những khoản chi phí sau không phải là TSCĐ vô hình mà được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của DN (Tối đa không quá 3 năm).

### **1.1.2. Phân loại và đánh giá tài sản cố định.**

#### **1.1.2.1. Phân loại tài sản cố định.**

##### **1) Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện.**

Căn cứ vào hình thái biểu hiện thì TSCĐ trong doanh nghiệp được phân thành 2 loại: TSCĐ mang hình thái vật chất (hay TSCĐ hữu hình) và TSCĐ không có hình thái vật chất ( hay TSCĐ vô hình ).

**Tài sản cố định hữu hình:** Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất cụ thể, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất đầu. Thuộc về loại này gồm có:

+ *Nhà cửa, vật kiến trúc:* Là TSCĐ được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, kho nhà, sân bãi, cầu cống...

+ *Máy móc, thiết bị động lực:* Là toàn bộ máy móc, thiết bị trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác...

+ *Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn:* Là những phương tiện vận tải như các loại đầu máy, đường ống và các phương tiện khác như ô tô, máy kéo, xe tải....

+ *Thiết bị, dụng cụ quản lý:* Gồm các thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các dụng cụ đo lường, máy tính, máy điều hòa...

+ *Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm*: Gồm các loại cây lâu năm (cà phê, chè, cao su...) súc vật làm việc (voi, bò, ngựa cày kéo...) và các súc vật nuôi để lấy sản phẩm (bò sữa, súc vật sinh sản...)

+ *Tài sản cố định hữu hình khác*: Bao gồm những TSCĐ mà chưa có được quy định phản ánh vào các loại nói trên (tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...)

***Tài sản cố định vô hình***: Là những TSCĐ không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Thuộc về TSCĐ vô hình bao gồm:

+ *Quyền sử dụng đất*: Chủ phản ánh vào tài khoản này quyền sử dụng đất được coi là TSCĐ vô hình theo quy định của pháp luật. Giá trị TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất như: Chi tiền ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (trường hợp quyền sử dụng đất riêng biệt đối với giai đoạn đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc trên đất), lệ phí trước bạ (nếu có)... Tài khoản này không bao giờ bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.

+ *Quyền phát hành*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

+ *Bản quyền, bằng sáng chế*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế chi ra để có bản quyền tác giả, bằng sáng chế.

+ *Nhãn hiệu, tên thương mại*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa.

+ *Phần mềm máy tính*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có chương trình phần mềm.

+ *Giấy phép, giấy phép nhượng quyền*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó như giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới.....

+ *Tài sản cố định vô hình khác*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ vô hình khác chưa quy định phản ánh ở các tài khoản trên.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này tạo điều kiện thuận lợi cho người tổ chức hạch toán TSCĐ, sử dụng tài khoản kế toán sử dụng một cách hợp lý, sử dụng triệt để các tính năng kỹ thuật của TSCĐ.



## 2) Phân loại TSCĐ theo công dụng kinh tế.

Theo tiêu thức phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp được chia thành 2 loại:

- TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh là những TSCĐ hữu hình và vô hình trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bao gồm: nhà cửa, vật kiến trúc, thiết bị truyền dẫn, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải; những TSCĐ không có hình thái vật chất khác...

- TSCĐ dùng ngoài sản xuất kinh doanh: là những TSCĐ dùng cho phúc lợi công cộng, không mang tính chất sản xuất kinh doanh. Bao gồm: Nhà cửa, phương tiện dùng cho sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao, nhà ở và các công trình phúc lợi tập thể...

Cách phân loại này giúp cho người quản lý thấy rõ kết cấu TSCĐ và vai trò, tác dụng của TSCĐ trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng TSCĐ và tính toán khấu hao chính xác.

## 3) Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu.

Căn cứ vào tình hình sở hữu có thể chia TSCĐ thành 2 loại:

- **TSCĐ tự có** là những TSCĐ thuộc quyền sở hữu của chủ doanh nghiệp.
- **TSCĐ đi thuê gồm 2 loại sau:**
  - TSCĐ thuê hoạt động: là những TSCĐ doanh nghiệp đi thuê của các đơn vị khác để sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định theo hợp đồng kí kết.
  - TSCĐ thuê tài chính: Là những TSCĐ doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính, nếu hợp đồng thuê thoả mãn ít nhất 1 trong 4 điều sau đây:
    - Khi kết thúc thời hạn cho thuê hợp đồng, bên thuê được nhận quyền sở hữu tài sản thuê hoặc được tiếp tục thuê theo sự thoả thuận.
    - Khi kết thúc thời hạn thuê bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thuê tại thời điểm hiện mua lại.
    - Thời hạn thuê một tài sản ít nhất phải bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản thuê.
    - Tổng số tiền thuê tài sản phải trả ít nhất phải tương đương với giá trị tài sản đó trên thị trường vào thời điểm lí hợp đồng.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này phản ánh chính xác tỉ trọng TSCĐ thuộc sở hữu của doanh nghiệp và tỉ trọng TSCĐ thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp đến những đối tượng quan tâm. Bên cạnh đó cũng xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng loại TSCĐ.

## 4) Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng.

Theo tiêu thức phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp được chia thành 3 loại:

- TSCĐ đang sử dụng là những TSCĐ đang sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động khác của doanh nghiệp như hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng.

- TSCĐ chưa cần dùng là những TSCĐ cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động khác của doanh nghiệp, song hiện tại chưa cần dùng, đang được dự trữ để sử dụng sau này.

- TSCĐ không cần dùng và chờ thanh lý là những TSCĐ không cần thiết hay không phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cần được thanh lý, nhượng bán để thu hồi vốn đầu tư đã bỏ ra ban đầu.

Cách phân loại này giúp cho người quản lý thấy mức độ sử dụng có hiệu quả các TSCĐ của doanh nghiệp như thế nào, từ đó có biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng của chúng.

#### *5) Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành.*

Căn cứ vào nguồn hình thành có thể chia TSCĐ trong doanh nghiệp thành 2 loại:

- TSCĐ hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu
- TSCĐ hình thành từ các khoản nợ phải trả

Cách phân loại này giúp người quản lý thấy được TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành từ nguồn nào, từ đó có biện pháp theo dõi, quản lý và sử dụng TSCĐ sao cho có hiệu quả nhất.

#### **1.1.2.2. Đánh giá Tài sản số định.**

Việc đánh giá TSCĐ trong doanh nghiệp là vô cùng quan trọng là vì nó là cơ sở để hạch toán TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao một cách chính xác. Đánh giá TSCĐ là việc xác định giá trị ghi sổ của TSCĐ. TSCĐ của doanh nghiệp được đánh giá theo các chỉ tiêu: Nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của TSCĐ.

##### *a) Nguyên giá.*

Nguyên giá của TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản đó và đưa TSCĐ đó vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được xác định theo nguyên tắc giá phí tức là nguyên giá TSCĐ bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan đến việc mua hoặc xây dựng, chế tạo TSCĐ kể cả chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử và các chi phí hợp lý cần thiết khác trước khi sử dụng tài sản.

Nguyên giá TSCĐ được xác định cho từng đối tượng ghi TSCĐ là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một số chức năng nhất định.

➤ **Với TSCĐ hữu hình:**

• **Nguyên giá TSCĐ hữu hình do mua sắm:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình do mua sắm (kể cả mua cũ và mua mới) gồm:

- + Giá mua thực tế phải trả.
- + Các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại).
- + Các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: Lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm; chi phí bốc dỡ, vận chuyển; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán. Lãi trả chậm, trả góp không được tính vào nguyên giá của TSCĐ.

Ngoài ra, trường hợp mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định, còn TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả công (+) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ hữu hình vào sử dụng.

• **Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác gồm:

+ Giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về).

+ Các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp đến phải chi ra đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: Chi phí bốc dỡ, vận chuyển; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

- **Nguyên giá TSCĐ hữu hình do tự xây dựng hoặc tự sản xuất.**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình do tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình do tự sản xuất gồm:

+ Giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình.

+ Các chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí khác trực tiếp liên quan đến tính đến thời điểm đưa TSCĐ hữu hình vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các khoản lãi nội bộ, giá trị sản phẩm thu hồi được trong quá trình chạy thử, sản xuất thử, các chi phí không hợp lý như vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác vượt quá định mức quy định trong xây dựng hoặc sản xuất).

- **Nguyên giá TSCĐ hữu hình do đầu tư tự xây dựng:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình do đầu tư tự xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

- **TSCĐ hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp.

- **TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí thuê tổ chức định giá: chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử,....

- **TSCĐ hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp:**

TSCĐ hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí; hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận;

hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

➤ **Với TSCĐ vô hình:**

• **TSCĐ vô hình mua sắm:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp TSCĐ vô hình mua sắm theo hình thức trả chậm, trả góp, nguyên giá là giá mua tài sản theo phương thức trả tiền ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm).

• **TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một số TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản theo dự tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

• **TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng, được điều chuyển đến:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

• **TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn

nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- **TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất:**

*TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:*

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

Thuê đất trả tiền thuê hằng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hằng năm.

*Đối với các loại tài sản là nhà, đất đai để bán, để kinh doanh của công ty kinh doanh bất động sản thì doanh nghiệp không được hạch toán là TSCĐ và không được trích khấu hao.*

- **Nguyên giá của TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ:**

Là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- **Nguyên giá TSCĐ vô hình là các chương trình phần mềm:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình là các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với

phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

➤ **Với TSCĐ thuê tài chính**

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

• **Giá trị hao mòn**

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn dần về giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị hao mòn này được dịch chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dưới hình thức khấu hao nhằm mục đích thu hồi lại vốn đầu tư trong một thời gian nhất định để tái sản xuất. TSCĐ bị hao mòn dưới hai hình thức:

- *Hao mòn hữu hình*: Là sự giảm sút về giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ do TSCĐ tham gia vào sản xuất kinh doanh và do các nguyên nhân tự nhiên.
- *Hao mòn vô hình*: Là sự giảm sút thuần túy về giá trị của TSCĐ do nguyên nhân tiến bộ khoa học kỹ thuật gây ra.

• **Giá trị còn lại.**

Việc xác định giá trị còn lại của TSCĐ là để phản ánh được tình trạng kỹ thuật của TSCĐ, cho biết số tiền còn lại phải tiếp tục thu hồi dưới hình thức khấu hao và là căn cứ để lập kế hoạch tăng cường, đổi mới TSCĐ.

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

Trường hợp nguyên giá TSCĐ được đánh giá lại thì giá trị còn lại của TSCĐ cũng được xác định lại. Thông thường giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại được điều chỉnh theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của} \\ \text{TSCĐ} \\ \text{Sau khi đánh giá lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại TSCĐ} \\ \text{Trước khi đánh giá} \\ \text{lại} \end{array} \times \frac{\text{NG TSCĐ} \\ \text{sau khi đánh giá lại}}{\text{NG TSCĐ} \\ \text{trước khi đánh giá lại}}$$

Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của TSCĐ, biết được hiện trạng của TSCĐ là cũ hay mới để có được phương hướng đầu tư và có được biện pháp để bảo toàn được số vốn cố định.

### **1.1.3. Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.**

#### **1.1.3.1. Nguyên tắc quản lý tài sản cố định trong doanh nghiệp.**

➤ Mọi tài sản cố định trong công ty hợp danh phải có bộ hồ sơ riêng để quản lý, theo dõi. Bộ hồ sơ này gồm có:

- Biên bản giao nhận tài sản cố định (Tham khảo mẫu 01–TSCĐ ban hành kèm theo Phụ lục 3 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC).

- Hợp đồng mua bán tài sản cố định.

- Hóa đơn mua tài sản cố định.

- Các chứng từ, giấy tờ khác có liên quan như xuất xứ hàng hóa, tờ khai hải quan, đánh giá chất lượng...

➤ Mỗi tài sản cố định phải được phân loại, đánh số và có Thẻ tài sản cố định riêng (Mẫu S23-DN ban hành kèm theo Phụ lục 4 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi tài sản cố định và được phản ánh trong Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng (Mẫu S22-DN ban hành kèm theo Phụ lục 4 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC).

➤ Mỗi tài sản cố định phải được phân loại, đánh số và có Thẻ tài sản cố định riêng (Mẫu S23-DN ban hành kèm theo Phụ lục 4 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi tài sản cố định và được phản ánh trong Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng (Mẫu S22-DN ban hành kèm theo Phụ lục 4 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC).

➤ Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán. Cụ thể, được xác định theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ} = \text{Nguyên giá của TSCĐ} - \text{Số hao mòn lũy kế của TSCĐ}$$

➤ Đối với những tài sản cố định không cần dùng và đang chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, thì công ty hợp danh cần phải thực hiện công tác quản lý, theo dõi, bảo quản và trích khấu hao theo đúng quy định.

➤ Công ty hợp danh cần phải thực hiện công tác quản lý đối với những loại tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào hoạt động kinh doanh như những tài sản cố định thông thường.



### **1.1.3.2. Nhiệm vụ của tài sản cố định.**

Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ sẽ là tham gia kiểm kê và đánh giá TSCĐ quy định của nhà nước. Lập các báo cáo về TSCĐ của doanh nghiệp; kế toán tiến hành phân tích tình hình trang bị, huy động, bảo quản và sử dụng TSCĐ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của TSCĐ. Cụ thể như sau:

- Tổ chức kế toán ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách đầy đủ, kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển TSCĐ, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng TSCĐ.

- Kế toán tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của TSCĐ và chế độ quy định.

- Tham gia lập dự toán sửa chữa TSCĐ, giám sát việc sửa chữa TSCĐ.

- Kế toán hướng dẫn, kiểm tra các phân xưởng, phòng, ban thực hiện đầy đủ các chứng từ ghi chép ban đầu về TSCĐ, mở các sổ sách cần thiết và hạch toán TSCĐ đúng chế độ, đúng phương pháp.

- Kế toán tham gia kiểm kê và đánh giá lại TSCĐ theo quy định nhà nước, lập các báo cáo TSCĐ của doanh nghiệp; tiến hành phân tích tình hình trang bị, huy động, bảo quản và sử dụng TSCĐ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của TSCĐ.

## **1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.**

### **1.2.1. Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp.**

Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện cho từng TSCĐ, từng nhóm (hoặc từng loại) TSCĐ theo nơi sử dụng TSCĐ.

Yêu cầu quản lý TSCĐ của doanh nghiệp đòi hỏi phải có kế toán chi tiết TSCĐ. Đây là khâu quan trọng và phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán TSCĐ. Thông qua kế toán chi tiết TSCĐ, kế toán sẽ cung cấp những chi tiết quan trọng về cơ cấu TSCĐ, tình hình phân bổ TSCĐ theo địa điểm sử dụng cũng như tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ. Phân bổ chính xác TSCĐ, nâng cao trách nhiệm vật chất trong bảo quản và sử dụng TSCĐ.

*Nội dung chính của kế toán chi tiết TSCĐ bao gồm:*

- Lập và thu thập các chứng từ ban đầu liên quan đến TSCĐ tại doanh nghiệp: Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản đánh giá lại TSCĐ,....

- Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ ở bộ phận kế toán: Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện ở thẻ TSCĐ ( Mẫu số S23- DN). Thẻ TSCĐ do phòng kế toán lập

khi TSCĐ bắt đầu xuất hiện tại doanh nghiệp. Thẻ được lập cho từng loại TSCĐ và được lưu lại ở phòng kế toán. Căn cứ lập thẻ TSCĐ gồm: Bộ hồ sơ TSCĐ, biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ,....

- Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ ở các đơn vị, bộ phận quản lý sử dụng: Để theo dõi địa điểm đặt TSCĐ, tình hình tăng giảm TSCĐ do từng đơn vị, bộ phận phân xưởng (đội, trại) hoặc phòng ban mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ riêng - Sổ TSCĐ trong đó ghi TSCĐ tăng, giảm của mỗi đơn vị mình theo từng chứng từ, tăng, giảm TSCĐ theo trình tự thời gian phát sinh ngược. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm TSCĐ.

## **1.2.2. Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ trong doanh nghiệp.**

### **1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.**

- Biên bản giao nhận TSCĐ - Mẫu số 01 – TSCĐ.
- Biên bản thanh lý TSCĐ - Mẫu số 02 – TSCĐ.
- Biên bản bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành - Mẫu số 03 – TSCĐ.
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ - Mẫu số 04 – TSCĐ.
- Biên bản kiểm kê TSCĐ - Mẫu số 05 – TSCĐ.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ - Mẫu số 06 – TSCĐ.

### **1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.**

#### *a) Tài khoản 211: “TSCĐ hữu hình”*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm toàn bộ tài sản cố định của doanh nghiệp theo nguyên giá.

*\* Kết cấu và nội dung phản ánh TK 211:*

#### ***Bên Nợ:***

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tăng do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do nhận vốn góp liên doanh, do được cấp, do được tặng biếu, tài trợ...

- Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCĐ do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo nâng cấp.. ;

- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

#### ***Bên Có:***

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình giảm do điều chuyển cho đơn vị khác, do nhượng bán, thanh lý hoặc đem đi góp vốn liên doanh,....

- Nguyên giá của TSCĐ giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận;

- Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

***Số dư bên Nợ:***

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có ở doanh nghiệp.

\* TK 211 chi tiết thành 6 tiểu khoản:

- 2111: Nhà cửa, vật kiến trúc.
- 2112: máy móc, thiết bị.
- 2113: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn.
- 2114: Thiết bị dụng cụ quản lý.
- 2115: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc.
- 2118: TSCĐ khác.

b) *Tài khoản 212: “TSCĐ thuê tài chính”.*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của doanh nghiệp. Không phản ánh vào tài khoản này giá trị của TSCĐ thuê hoạt động.

Tài khoản 212 được mở chi tiết để theo dõi từng loại, từng TSCĐ thuê.

\* *Kết cấu và nội dung phản ánh TK 212:*

*Bên Nợ:*

- Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính tăng.

*Bên Có:*

- Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính giảm do điều chuyển trả lại cho bên cho thuê khi hết hạn hợp đồng hoặc mua lại thành TSCĐ của doanh nghiệp.

*Số dư bên Nợ:*

- Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính hiện có.

c) *Tài khoản 213: “TSCĐ vô hình”.*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ vô hình của doanh nghiệp.

\* *Kết cấu và nội dung phản ánh TK 213:*

*Bên Nợ:* - Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng.

*Bên Có:* - Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm.

*Số dư bên Nợ:*

- Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có ở doanh nghiệp.

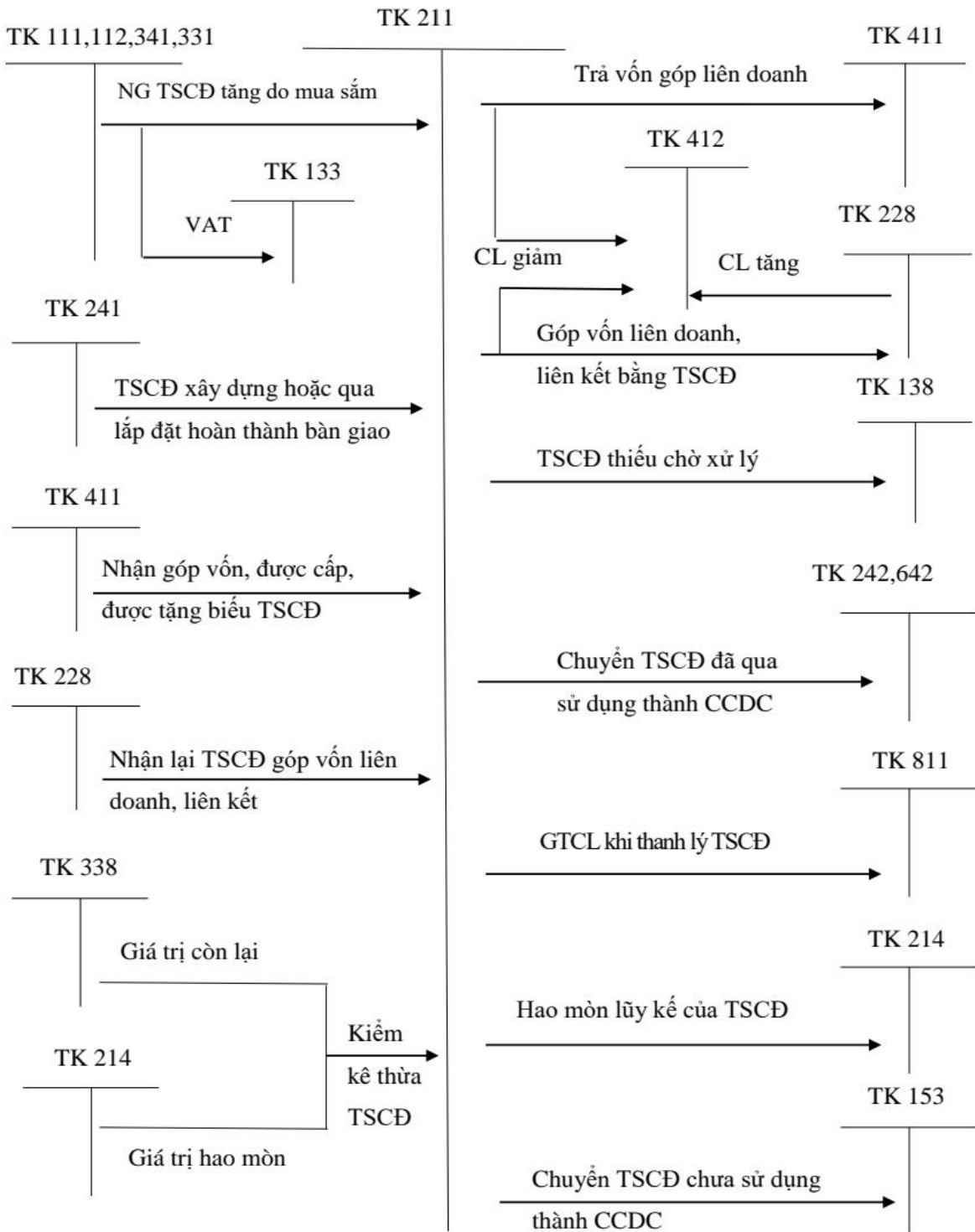
\* TK 213 chi tiết thành 7 tiểu tài khoản.

- 2131: Quyền sử dụng đất.
- 2132: Quyền phát sinh.
- 2133: Bản quyền, bằng sáng chế.
- 2134: Nhãn hiệu hàng hoá.
- 2135: Phần mềm máy vi tính.

- 2136: Giấy phép và giấy phép nhượng quyền.
- 2138: TSCĐ vô hình khác

### 1.2.2.3. Phương pháp hạch toán TSCĐ.

a) *Trình tự kế toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình được biểu diễn qua sơ đồ sau:*



*Phương pháp hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình, vô hình*

### **1.2.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định.**

#### **1.2.3.1. Nguyên tắc khấu hao tài sản cố định.**

*Theo khoản 1 điều 9 thông tư số: 45/2013/TT-BTC của Bộ tài chính thì tất cả tài sản cố định hiện có của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao, trừ những tài sản cố định sau đây:*

- Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh không phải trích khấu hao tài sản cố định.
- Tài sản cố định khấu hao chưa hết bị mất không phải trích khấu hao tài sản cố định.
- Tài sản cố định khác do doanh nghiệp quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ Tài sản cố định thuê tài chính) không phải trích khấu hao tài sản cố định.
- Tài sản cố định không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp không phải trích khấu hao tài sản cố định.
- Tài sản cố định sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của doanh nghiệp (trừ các Tài sản cố định phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp như: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do doanh nghiệp đầu tư xây dựng) không phải trích khấu hao tài sản cố định.
- Tài sản cố định từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho doanh nghiệp để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học không phải trích khấu hao tài sản cố định.
- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không phải trích khấu hao tài sản cố định.

#### **1.2.3.2. Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định.**

*Căn cứ theo Điều 10 Thông tư 45/2013/TT-BTC và Khoản 5 Điều 1 Thông tư 147/2016/TT-BTC quy định cụ thể như sau:*

*a) Cách xác định thời gian khấu hao TSCĐ hữu hình:*

*1) Trường hợp là TSCĐ mua mới (chưa qua sử dụng):*

- Doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC để xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ.

2) Trường hợp là TSCĐ mua cũ (đã qua sử dụng):

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian trích} \\ \text{khấu hao của} \\ \text{TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới} \\ \text{100\% ( hoặc của TSCĐ tương} \\ \text{đương trên thị trường)}} \times \begin{array}{l} \text{Thời gian trích khấu hao của} \\ \text{TSCĐ mới cùng loại xác định} \\ \text{theo phụ lục 1} \\ \text{( ban hành kèm theo TT 45} \\ \text{nêu trên)} \end{array}$$

Trong đó:

Giá trị hợp lý của TSCĐ là:

- Giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi).
- Giá trị còn lại của TSCĐ
- Hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá (trong hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến).

b) Cách xác định thời gian khấu hao của TSCĐ vô hình:

- DN tự xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.
- Đối với TSCĐ vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của doanh nghiệp.
- Đối với TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian trích khấu hao là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định (không được tính thời hạn bảo hộ được gia hạn thêm).

**1.2.3.3. Các phương pháp trích khấu hao của tài sản cố định.**

a) Phương pháp khấu hao đường thẳng

Là phương pháp trích khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh.

**Nội dung của phương pháp:**

- (1) Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng năm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng TSCĐ (năm)}}$$

(2) Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích

(3) Trường hợp thời gian trích khấu hao hay nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian trích khấu hao xác định lại hoặc thời gian trích khấu hao còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian trích khấu hao đã đăng ký trừ thời gian đã trích khấu hao) của TSCĐ.

(4) Mức trích khấu hao cho gần cuối cùng của thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá tài sản cố định và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của tài sản cố định đó. (5) Xác định mức trích khấu hao đối với những tài sản cố định đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2013:

- Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của tài sản cố định để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định.

- Xác định thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ theo công thức sau:

$$T = T_2 \left( 1 - \frac{t_1}{T_1} \right)$$

Trong đó:

$T$ : Thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định

$T_1$ : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC của Bộ Tài chính.

$T_2$ : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC của Bộ Tài chính.

$t_1$ : Thời gian thực tế đã trích khấu hao của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm ( cho những năm còn lại của TSCĐ) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ}}$$

Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chi cho 12 tháng.

*b) Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh*

Xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định:

Doanh nghiệp xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT – BTC của Bộ Tài Chính.

Xác định mức trích khấu hao năm của tài sản cố định trong các năm đầu theo công thức dưới đây:

Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ = Giá trị còn lại của TSCĐ x Tỷ lệ khấu hao nhanh

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức sau:

Tỷ lệ khấu hao nhanh (%) = Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng x Hệ số điều chỉnh

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng (%) =  $\frac{1}{\text{Thời gian sử dụng TSCĐ}}$  x 100

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian sử dụng của tài sản cố định quy định tại bảng dưới đây:

Thời gian sử dụng của tài sản cố định	Hệ số điều chỉnh(lần)
Đến 4 năm ( t < 4 năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm (4 năm < t < 6 năm)	2,0
Trên 6 năm (t > 6 năm)	2,5

Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

c) *Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm.*

Được áp dụng để tính khấu hao các loại máy móc, thiết bị thoả mãn đồng



thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm.
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ.
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

Cách xác định mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ:

$$\text{Mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}}$$

Trong đó:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Công suất thiết kế}}$$

Mức trích khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12

$$\text{Mức trích khấu hao năm của TSCĐ} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm}}{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}}$$

tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

#### 1.2.3.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

##### a) Chứng từ sử dụng

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)

##### b) Tài khoản sử dụng

\* *Kết cấu và nội dung phân ánh TK 214:*

**Bên Nợ:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư giảm do TSCĐ, BĐS đầu tư thanh lý, nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

**Bên Có:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, BĐS đầu tư.

**Số dư bên Nợ:** Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BĐS đầu tư hiện có ở đơn vị.

\* TK 214 chi tiết thành 4 tiểu khoản:

- 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình
- 2142: Hao mòn TSCĐ thuê tài chính
- 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình.
- 2147: Hao mòn TSCĐ bất động sản đầu tư.

#### **1.2.3.5. Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán khấu hao TSCĐ - Một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

(1). *Định kỳ tính, trích khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác.*

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công (6234)

Nợ TK 627, TK 641, TK 642, TK 811

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ (TK cấp 2 phù hợp).

(2). TSCĐ đã sử dụng, nhận được do điều chuyển trong nội bộ Tổng công ty.

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá)

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (Giá trị còn lại)

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ(2141) (Giá trị hao mòn).

(3). *Thanh lý, nhượng bán TSCĐ dùng cho hoạt động SXKD.*

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (2141) (Giá trị đã hao mòn)

Nợ TK 811- Chi phí khác (Giá trị còn lại)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá TSCĐ)

(4). *Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dự án, khi tính hao mòn vào thời điểm cuối năm tài chính.*

Nợ TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ.

(5). *Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động văn hoá, phúc lợi, khi tính hao mòn vào thời điểm cuối năm tài chính.*

Nợ TK 353 - Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ.

## **1.2.4. Kế toán sửa chữa tài sản cố định.**

### **1.2.4.1. Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định.**

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định có thể bị hư hỏng, cần sửa chữa. Sửa chữa tài sản cố định là việc bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại những năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu. Tùy theo mức độ sửa chữa, người ta chia thành sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và sửa chữa nâng cấp.

Sửa chữa thường xuyên tài sản cố định: là sửa chữa nhỏ, trong thời gian ngắn, quy mô nhỏ, chi phí ít. Vì vậy, chi phí sửa chữa thường xuyên được tập hợp trực tiếp vào chi phí kinh doanh của kì hạch toán mà nghiệp vụ sửa chữa diễn ra.

Sửa chữa lớn tài sản cố định: là sửa chữa, thay thế những bộ phận bị hư hỏng trong quá trình sử dụng mà nếu không thay thế, sửa chữa thì tài sản cố định không hoạt động hoặc hoạt động không bình thường. Sửa chữa lớn có chi phí cao, thời gian thường kéo dài. Chi phí sửa chữa lớn được tập hợp riêng cho từng đối tượng qua TK “2413: Sửa chữa lớn tài sản cố định” và chi phí này được phân bổ vào chi phí kinh doanh của nhiều kì hạch toán. Sửa chữa lớn tài sản cố định có thể dự kiến trước về thời gian và chi phí theo dự toán.

Sửa chữa nâng cấp tài sản cố định: Là sửa chữa có tính chất tăng thêm tính hoạt động hoặc kéo dài tuổi thọ của tài sản cố định. Bản chất của nghiệp vụ sửa chữa nâng cấp tài sản cố định là một nghiệp vụ đầu tư bổ xung cho tài sản cố định. Chi phí sửa chữa nâng cấp cũng được tập hợp theo từng đối tượng qua TK 2413 như sửa chữa lớn. Khi việc sửa chữa nâng cấp hoàn thành, giá trị nâng cấp sẽ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa nâng cấp tài sản cố định bù đắp bằng nguồn vốn chuyên dùng thì kế toán đồng thời ghi bút toán kết chuyển nguồn.

Phương pháp hạch toán:

Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

- Theo phương thức tự làm: Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:

+ Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 XDCB dở dang

Nợ TK 133 Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112, 152,...

+ Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK 241 XDCB dở dang (tổng giá thanh toán)

Có TK 111,112,...(tổng giá thanh toán)

Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ được hạch toán toàn bộ vào chi phí trong kỳ:

Nợ TK 154, 642

Có TK 241 XDCB dở dang (2413)

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất, kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, tiến hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước hoặc chi phí phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 242 Chi phí trả trước

Nợ TK 335 Chi phí phải trả

Có TK 241 XDCB dở dang (2413)

Theo phương thức giao thầu:

Khi nhân khối lượng sửa chữa lớn do bên nhân thầu bàn giao, ghi:

Nợ TK 241 XDCB dở dang (2413)

Nợ TK 133 Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 Phải trả cho người bán.

Có TK 111, 112 Khoản đã thanh toán.

### **1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.**

#### **1.3.1. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật kí chung.**

Theo chế độ hiện hành, doanh nghiệp có thể lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lí của đơn vị nhưng vẫn đảm bảo cung cấp thông tin theo quy định của Luật kế toán và các văn bản bổ sung, sửa đổi.

Doanh nghiệp có thể áp dụng 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật kí Chung.
- Hình thức Nhật kí - sổ Cái.
- Hình thức Nhật kí - Chứng từ.

- Hình thức Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

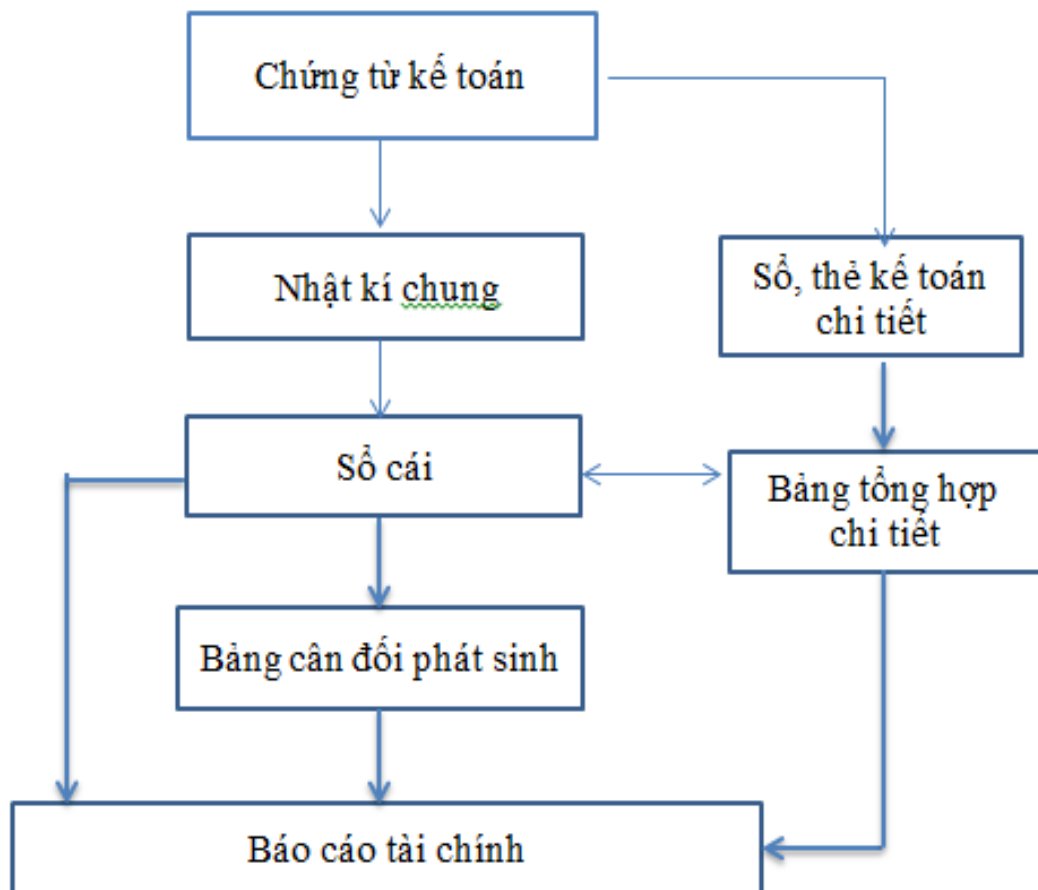
a) *Đặc trưng cơ bản*

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó, lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 211, 214
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết TK 211, 214

b) *Trình tự ghi sổ kế toán*



- Ghi chú:
- Ghi theo ngày.
  - Ghi cuối tháng, định kì.
  - ↔ Kiểm tra, đối chiếu.

*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung.*

### 1.3.2. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật kí – Sổ cái.

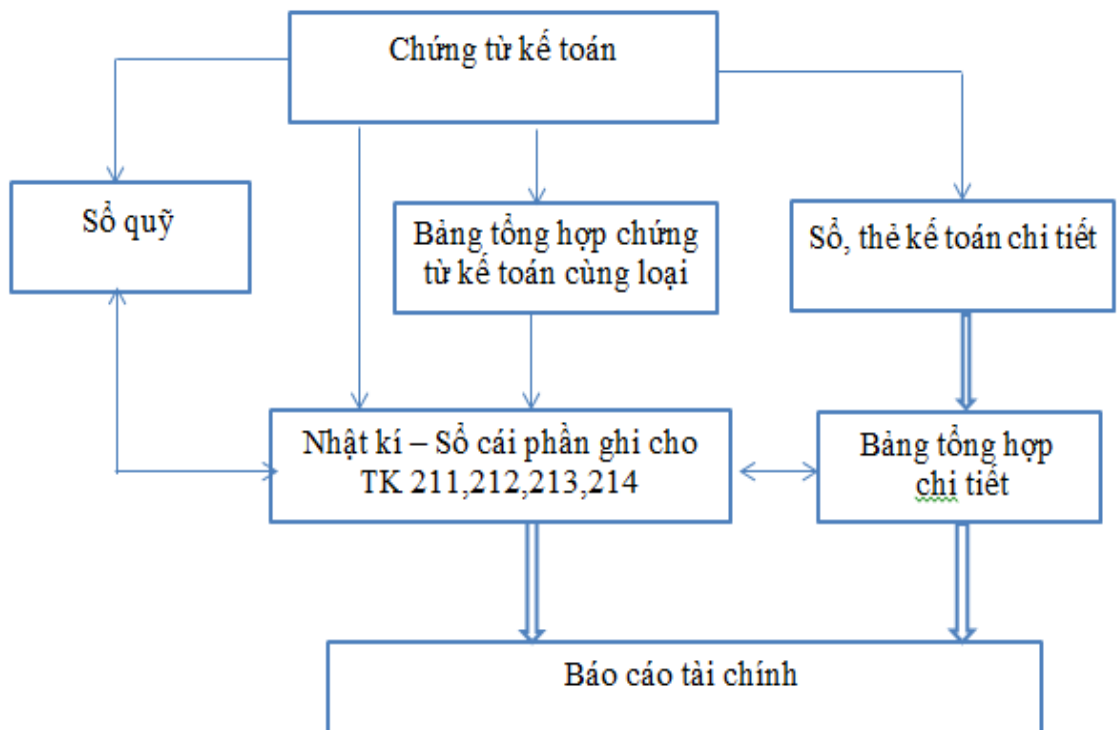
#### a) Đặc trưng cơ bản:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật kí – sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ nhật kí – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

#### Số sách sử dụng:

- Nhật kí - sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

#### b) Trình tự ghi sổ



Ghi chú:   
→ Ghi theo ngày.   
⇒ Ghi cuối tháng, định kì.   
⇔ Kiểm tra, đối chiếu.

*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật kí – sổ cái.*

### 1.3.3. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật kí – Chứng từ.

#### a) Đặc trưng cơ bản:

+ Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

+ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

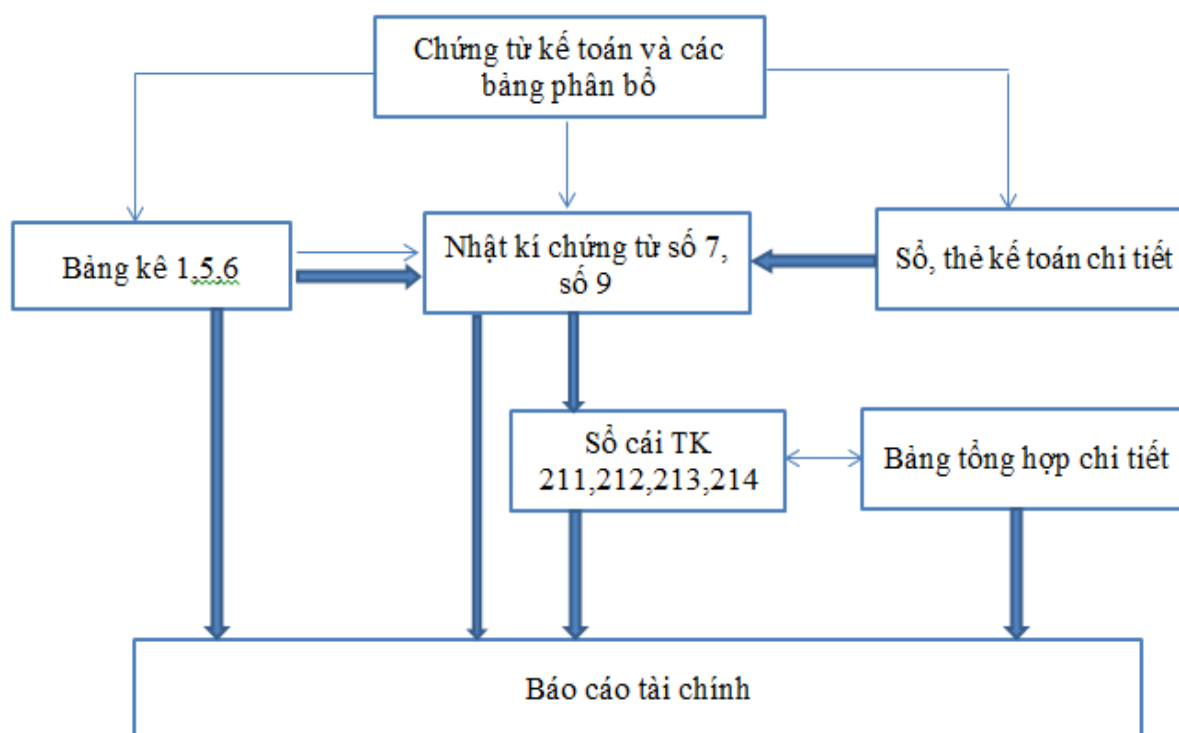
+ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

+ Sử dụng các mẫu số in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chi tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

*Sổ sách sử dụng:*

- Nhật kí chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

*b) Trình tự ghi sổ:*



Ghi chú:   
 → Ghi theo ngày.   
 → Ghi cuối tháng định kì.   
 ↔ Kiểm tra, đối chiếu.

*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật kí – chứng từ.*

### **1.3.4. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Chứng từ ghi sổ.**

a) *Đặc trưng cơ bản.*

Căn cứ trực tiếp để ghi số kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi số”. Việc ghi số kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký Chứng từ ghi số.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

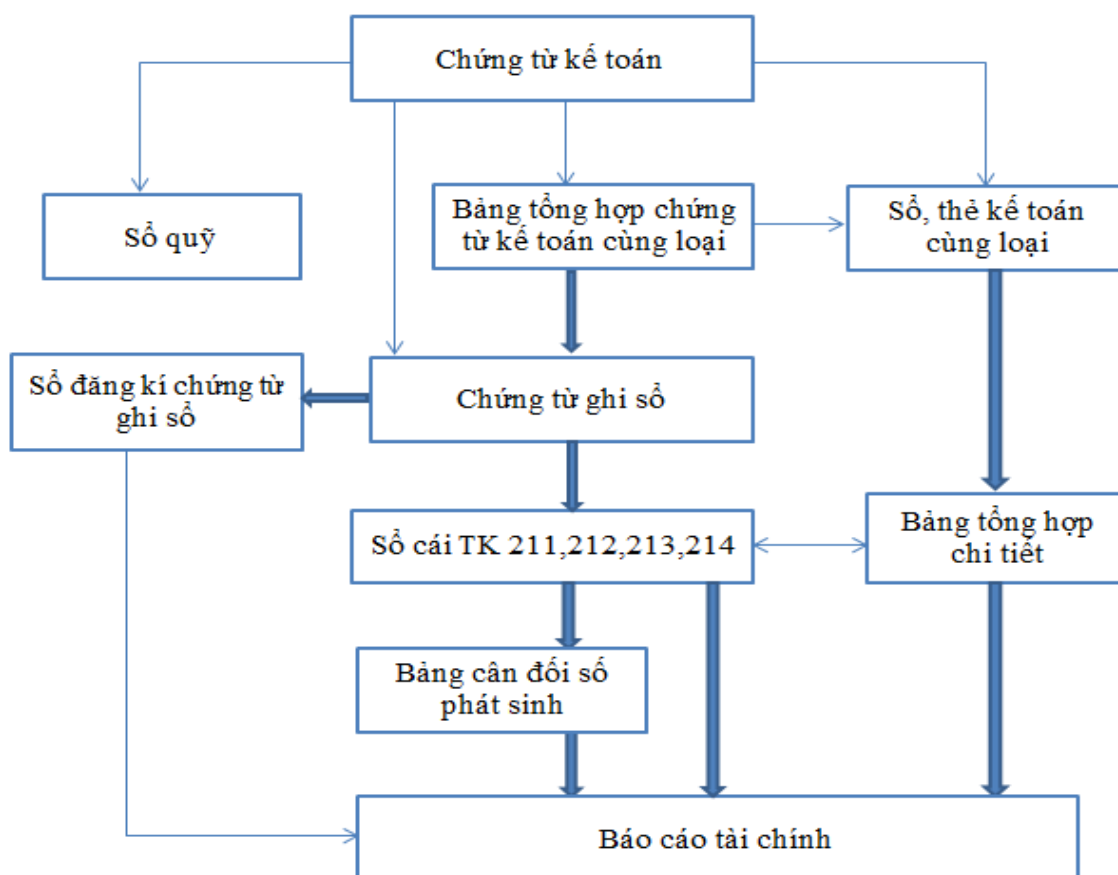
Chứng từ ghi số do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi số được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi số) và có chứng từ kế toán đính kèm phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi số kế toán. Số sách sử dụng:

Số sách sử dụng:

- Chứng từ ghi số;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi số;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, thẻ kế toán chi tiết

b) Trình tự ghi số.



Ghi chú:   
 → Ghi theo ngày.   
 → Ghi cuối tháng, định kỳ.   
 ↔ Kiểm tra, đối chiếu.

*Trình tự ghi số kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ ghi số.*



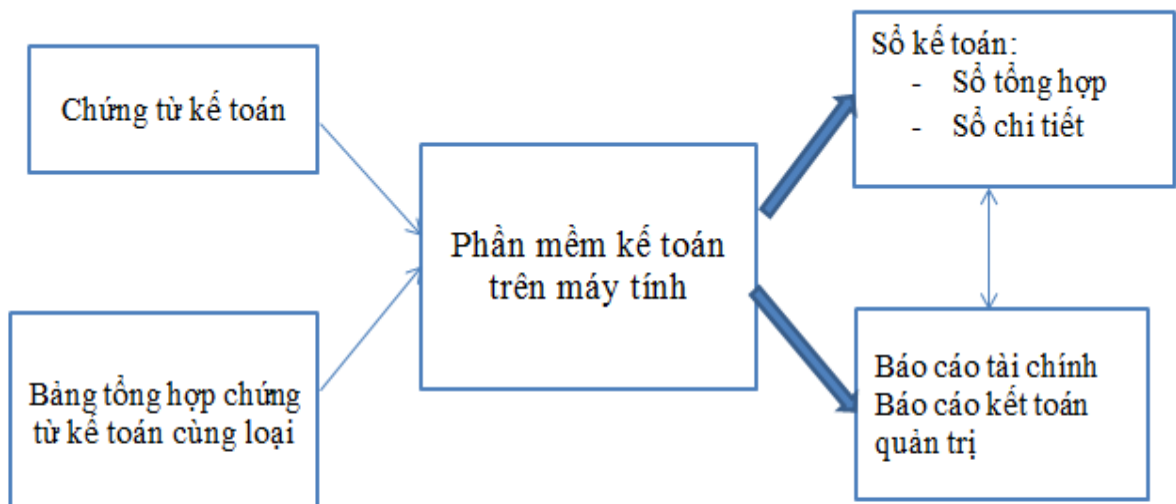
### 1.3.5. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### a) Đặc trưng cơ bản:

Công việc kế toán trên máy vi tính được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi số kế toán, nhưng phải in được đầy đủ số kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

#### b) Sổ sách sử dụng:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó.



Ghi chú:   
→ Ghi theo ngày.  
→ Ghi cuối tháng, định kỳ.  
↔ Kiểm tra, đối chiếu.

*Trình tự ghi số kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.*

## **CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM.**

### **2.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM.**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.**

- Tên công ty: Công ty TNHH SINCHI Việt Nam.
- Tên viết tắt: SIN CHI (VIETNAM) CO.,LTD.
- Mã số thuế: 0200787754
- Trụ sở chính: Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghệ Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.
- Giám đốc: CHEN KO LIN.
- Ngày hoạt động: 11/01/2008
- Quản lý bởi: Cục Thuế Thành phố Hải Phòng.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn ngoài Nhà nước.
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe động cơ và xe có động cơ.
  - Chi tiết: Sản xuất, gia công các loại linh kiện ô tô, xe máy.
- Số điện thoại: 0225867996.
- Fax: 0225.3867.689
- Website: <http://www.sinchi.vn/vn/about-1.html>

Giới thiệu khái quát : Công ty TNHH SINCHI Việt Nam là doanh nghiệp đài loan chuyên sản xuất đúc áp lực, gia công, lắp ráp các linh kiện bằng hợp kim nhôm. Là doanh nghiệp vận hành trên tinh thần ổn định, thiết thực. Công ty SINCHI trong ngành công nghiệp này có lợi thế là sản xuất đúc chính xác và công nghệ gia công CNC độ chính xác cao; Ngoài ra còn có một loại công đoạn chế tạo phụ trợ hoàn chỉnh gồm các công đoạn như mài, sửa via, xử lý bề mặt, phun sơn đến lắp ráp, đóng gói, sẽ luôn đáp ứng được nhu cầu phát triển của khách hàng. Chúng tôi chân thành chào đón các doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng thảo luận và hợp tác với chúng tôi. Chủ yếu gia công chế tạo các sản phẩm như Linh kiện ô tô, xe máy, khung đầu máy khâu, linh kiện cơ khí điện tử.

Công ty SINCHI Taiwan tại Đài Nam –Đài Loan được thành lập vào năm 1967, từ những ngày đầu mới thành lập các sản phẩm mà công ty chủ yếu hướng tới sản xuất về các sản phẩm dụng cụ nhà bếp ,dụng cụ gia đình. Đến năm1993 xưởng sản xuất đúc gia công chế tạo OEM đã được thành lập tại Đông Quán,

Quảng Đông ,Trung Quốc. Từ năm1993 đến năm 2008 doanh nghiệp bắt đầu từng bước chuyển đổi ,trước kia doanh nghiệp chỉ chú trọng sản xuất các sản phẩm về dụng cụ nhà bếp thì nay đã từng bước chuyển đổi sang sản xuất chế tạo linh kiện cơ khí, linh kiện điện tử.

Vào năm 2008 công ty SINCHI Taiwan đã mở thêm chi nhánh tại Việt Nam vào ngày 11-1-2008 được thành lập theo giấy phép đầu tư số 0220430 00022 do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp phép công ty TNHH Sinchi Việt Nam chính thức ra đời. Năm 2009 công ty TNHH Sinchi Việt Nam nằm tại lô L1.6, lô L1.7 và 1/2 lô L1.8, khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam chính thức bước vào hoạt động sản xuất. Cũng giống như công ty mẹ các mặt sản xuất của công ty TNHH Sinchi Việt Nam là khung máy khâu, linh kiện điện tử, dụng cụ nhà bếp. Vào tháng 4 năm 2012 công ty chính thức đưa vào sản xuất các sản phẩm khung máy khâu, linh kiện điện tử, dụng cụ nhà bếp, tháng 10 cùng năm công ty thông qua chứng nhận ISO 9001:2008. Đến tháng 6 năm 2017 công ty thông qua chứng nhận ISO 9001:2015. Từ thời gian đó đến công ty vẫn hoạt động ổn và từng bước phát triển tốt.

## **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sinchi Việt Nam.**

### **Đặc điểm sản xuất**

Công ty TNHH Sinchi Việt Nam chuyên sản xuất các mặt hàng về đúc áp lực, gia công, lắp ráp các linh kiện bằng hợp kim nhôm, ngoài ra còn có một loại công đoạn chế tạo phụ trợ hoàn chỉnh gồm các công đoạn như mài, sửa via, xử lý bề mặt, phun sơn đến lắp ráp, đóng gói. Quá trình tạo ra một sản phẩm có khá nhiều công đoạn và phức tạp mà mỗi loại sản phẩm sẽ có một quy cách tạo ra riêng biệt. Nhìn chung để tạo ra một sản phẩm cần qua một số giai đoạn sau:

- Lập kế hoạch sản xuất sản phẩm theo hợp đồng, đơn đặt hàng.
- Công ty chuẩn bị các nguyên vật liệu để đưa vào máy.
- Giai đoạn tạo phôi hợp kim nhôm được đun chảy sẽ được cánh tay tự động đổ vào khuôn máy đúc áp lực dàn phun tự động sẽ làm nguội, sản phẩm sẽ được cánh tay tự động lấy ra.
- Sản phẩm được đưa tới máy gia công.
- Sau khi được gia công sẽ cho xử lý mài via cạnh xử lý mài bóng đập vênh sản phẩm.

- Xử lý bề mặt khi gia công sản phẩm sẽ được tẩy rửa bằng bề tẩy dầu tạo màng đánh bóng bằng rung bi phun bi sản phẩm phun bi dạng buồng phun, phun bi bằng tay.

- Sản phẩm sau khi được xử lý bề mặt sẽ được phun sơn ở các dạng nước, phun sơn dạng bột, sơn Teflon.

- Sau khi hoàn thành các công đoạn trên sản phẩm sẽ được đem đi kiểm tra đóng gói hàng.

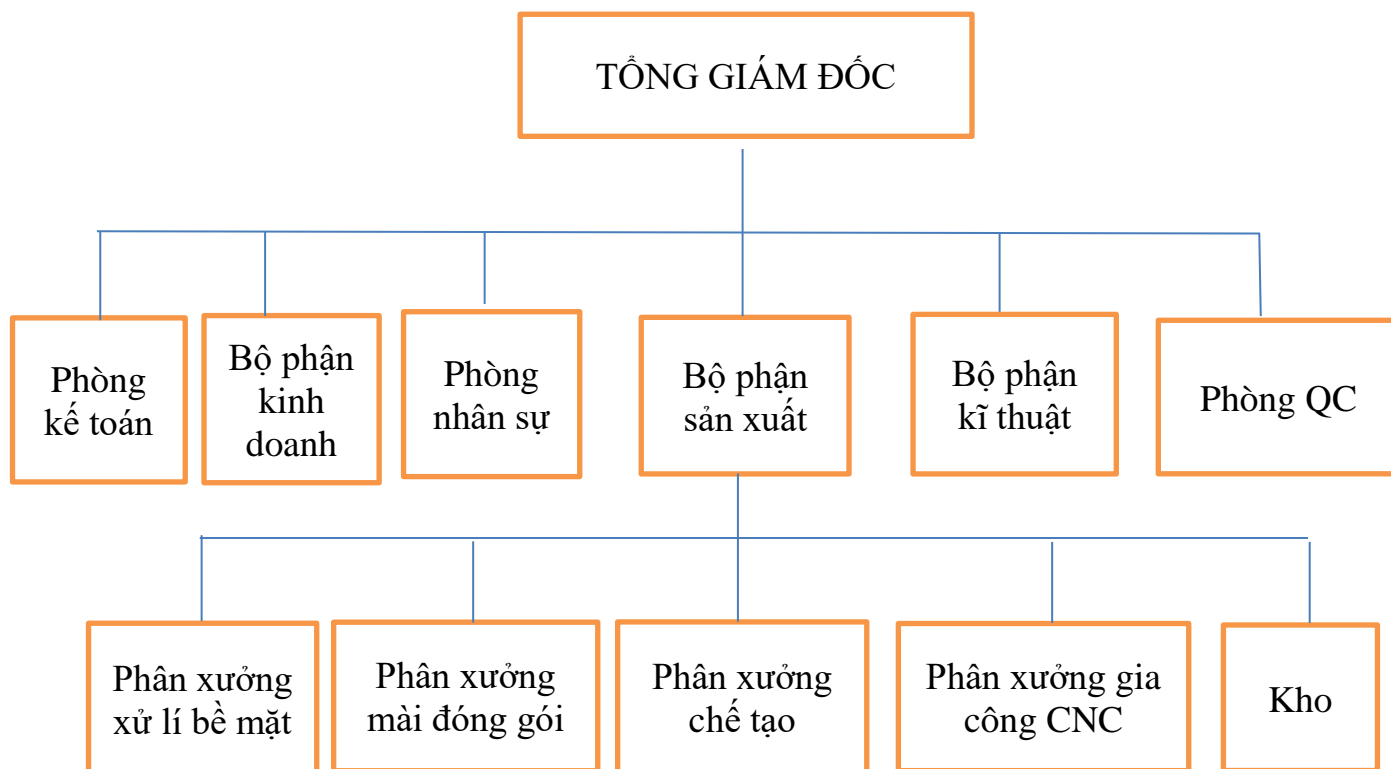
Trưởng phòng sản xuất sẽ phụ trách kỹ thuật sản xuất, chịu trách nhiệm chỉ đạo sản xuất cho các phân xưởng xử lý các tình huống kiểm tra tiến độ và quá trình làm việc tại các phân xưởng.

Việc sử dụng máy móc là do công nhân trực tiếp sử dụng dưới sự giám sát của các nhân viên giám sát. Các phân xưởng có công việc khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, các phân xưởng làm việc theo một dây chuyền sản xuất.

### **Đặc điểm về kinh doanh**

Công ty TNHH Sinchi Việt Nam hợp tác kinh doanh cả trong và ngoài nước. Khu vực xuất khẩu chủ yếu như Nhật Bản, Châu Âu, Châu Mỹ, Đài Loan..., ngoài ra còn hợp tác với một số công ty đa quốc gia (tập đoàn) luôn duy trì mối quan hệ hợp tác ổn định, tốt đẹp.

### **2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.**



Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH Sinchi Việt Nam.

*Chức năng của các phòng ban:*

- **Tổng giám đốc** có vai trò quyết định đến tình hình của doanh nghiệp. Quản lý, giám sát bao quát toàn bộ các hoạt động của nhân viên, ban lãnh đạo các bộ phận, trực tiếp chỉ đạo và gặp mặt các đối tác quan trọng của doanh nghiệp. Tổng giám đốc là người xác định mục tiêu, hướng phát triển và sứ mệnh của công ty, lập kế hoạch kinh doanh và định hướng chiến lược chung cho công ty, điều hành toàn bộ hoạt động và chịu trách nhiệm cho doanh số, lợi nhuận, hướng phát triển và tăng trưởng của công ty, quản lý nhân viên, phát triển nhân tài để đảm bảo đạt được kết quả tốt nhất.

- **Phòng kế toán:**

+ Giám sát về tài chính, kiểm tra phân tích về các hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời, chính xác giúp giám đốc đưa ra quyết định sản xuất kinh doanh.

+ Giám đốc việc sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng tài sản của công ty đảm bảo đúng mục đích yêu cầu và có hiệu quả.

+ Mở các loại sổ sách, biểu mẫu kế toán ghi chép phản ánh số hiện có tình hình luân chuyển và sử dụng vật tư, tài sản, tiền vốn quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Lập các báo cáo tài chính định kỳ đầy đủ, thực hiện nghiêm chỉnh việc trích nộp ngân sách. Trích và sử dụng đúng các loại quỹ theo quy định hiện hành.

- **Bộ phận kinh doanh:** Chịu trách nhiệm nghiên cứu, phát triển, cho đến phân phối sản phẩm. Tất cả nhằm mục đích thực hiện kế hoạch gia tăng doanh số và lợi nhuận cho doanh nghiệp. Ngoài ra phòng kinh doanh còn là nơi gắn kết các bộ phận với nhau như Marketing, chăm sóc khách hàng, khối kế toán...

- **Phòng nhân sự:** Chịu trách nhiệm tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo nguồn hoạt động của doanh nghiệp luôn diễn ra liên tục, hiệu quả. Đồng thời, phòng nhân sự còn phụ trách việc chăm lo đời sống của toàn bộ nhân viên trong công ty. Đại diện công ty xử lý các tranh chấp xảy ra tại công sở. Xây dựng và quản lý chế độ phúc lợi, đãi ngộ đối với đội ngũ nhân sự trong công ty.

- **Bộ phận sản xuất:** Đây là bộ phận không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất. Phòng ban này chịu trách nhiệm quản lý hoạt động sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp.

+ **Phân xưởng chế tạo** chịu trách nhiệm trong việc gia công phôi tạo ra sản phẩm theo khuôn mẫu

+ **Phân xưởng gia công** sử dụng máy gia công CNC, phay cắt gia công, tiện gia công, khoan lỗ tạo ren.

+ **Phân xưởng xử lý bề mặt** chịu trách nhiệm phun bi, tạo màng, đánh bóng cho sản phẩm sau khi được gia công.

+ **Phân xưởng mài đóng gói** sản phẩm các sản phẩm sẽ được xử lý (xử lý sửa mài) Xử lý mài bóng, đập vênh sản phẩm sau khi sản phẩm được xử lý xong sẽ được đóng gói chuyển sang phòng QC để kiểm tra.

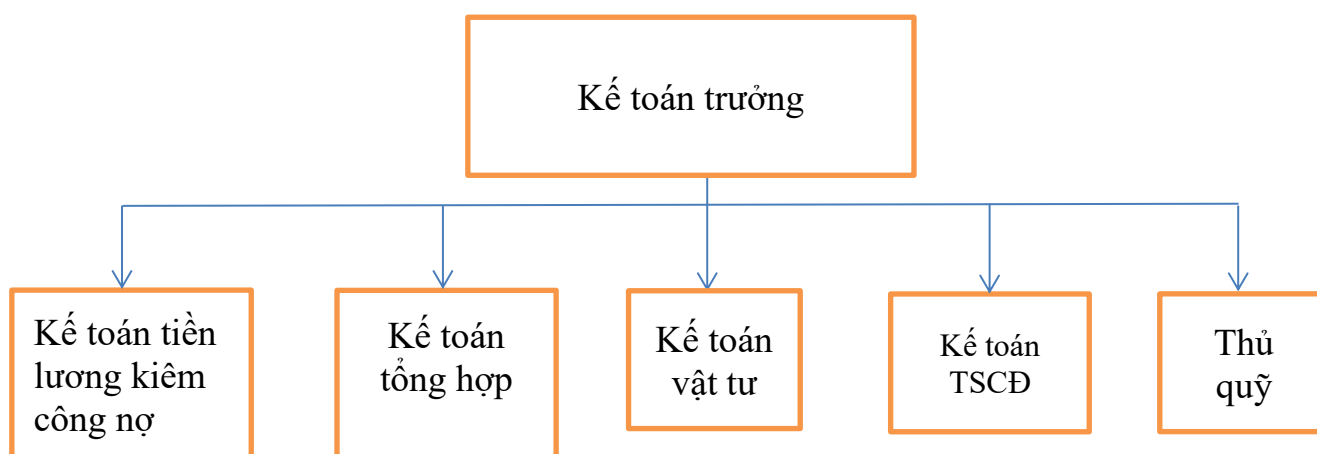
+ **Kho** là nơi Quản lý sản phẩm xuất nhập hàng, nhập trước xuất trước.

- **Bộ phận kĩ thuật:** Đóng vai trò thực hiện sản phẩm từ thiết kế, sản xuất các bước, kiểm soát chất lượng đảm bảo tiêu chuẩn trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ. Ngoài việc sản xuất trực tiếp, bộ phận này còn đảm bảo trách nhiệm các công việc bảo dưỡng và sửa chữa, bảo hành sản phẩm. Bên cạnh đó, còn cung cấp cho bộ phận kinh doanh những thông tin và chức năng cần thiết của sản phẩm phục vụ việc kết nối với khách hàng.

- **Phòng QC:** Kiểm soát chất lượng sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất (còn được gọi là nhân viên KCS) – trực tiếp thực hiện kiểm tra từng khâu trong quá trình sản xuất, đảm bảo chất lượng đầu ra theo các tiêu chuẩn định sẵn.

#### 2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Sinchi Việt Nam.

##### 2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty.



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty TNHH Sinchi Việt Nam.

**Kế toán trưởng:** Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc tổ chức chỉ đạo thực hiện hướng dẫn công tác kế toán trong công ty. Kế toán có trước năng nhiệm vụ chỉ đạo chung đối với mọi hoạt động của bộ máy kế toán trong công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với các cơ quan thuế, kiểm toán lập bảng biểu về tình hình kinh doanh của công ty.

**Kế toán tiền lương kiêm công nợ:**

+ Kiểm soát toàn bộ hoạt động thu chi qua quỹ của công ty và các khoản phải trả của công nhân viên, các khoản chi phí phát sinh trong công ty liên quan đến thu mua, tiêu thụ nguyên vật liệu cho từng công trình cùng với các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Tính toán và hạch toán tiền lương và BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ các khoản thu nhập, trợ cấp cho cán bộ, công nhân viên trong công ty. Hàng tháng ghi nhận các khoản thanh toán lương do các nhân viên kinh tế gửi về, lập bảng phân bổ.

**Kế toán tổng hợp:**

+ Là người chịu trách nhiệm theo dõi các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ.  
+ Theo dõi chi tiết xuất nhập và tồn kho hàng hóa, cuối tháng cần có chứng từ gốc để lập báo cáo tổng hợp nhập, xuất, tồn kho hàng hóa. Theo dõi doanh thu, giá vốn và xác định kết quả kinh doanh.

**Kế toán vật tư:** Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn của kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

**Kế toán TSCĐ:** Theo dõi biến động của TSCĐ, tiến hành trích khấu cơ bản và hạch toán sửa chữa lớn hàng quý, hàng tháng.

**Thủ quỹ** có nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên các cơ sở các chứng từ thu, các chứng từ chi, giấy tạm ứng và lập sổ theo dõi quỹ, báo cáo tồn quỹ theo quy định.

**2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.**

Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014 TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014.

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của bộ tài chính về việc lập báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính).

- Hình thức ghi sổ: Nhật ký chung.
- Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán: Việt Nam đồng.
- Hình thức kê khai thuế: theo phương pháp khấu trừ thuế .

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: theo phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Công ty tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền .
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên .

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

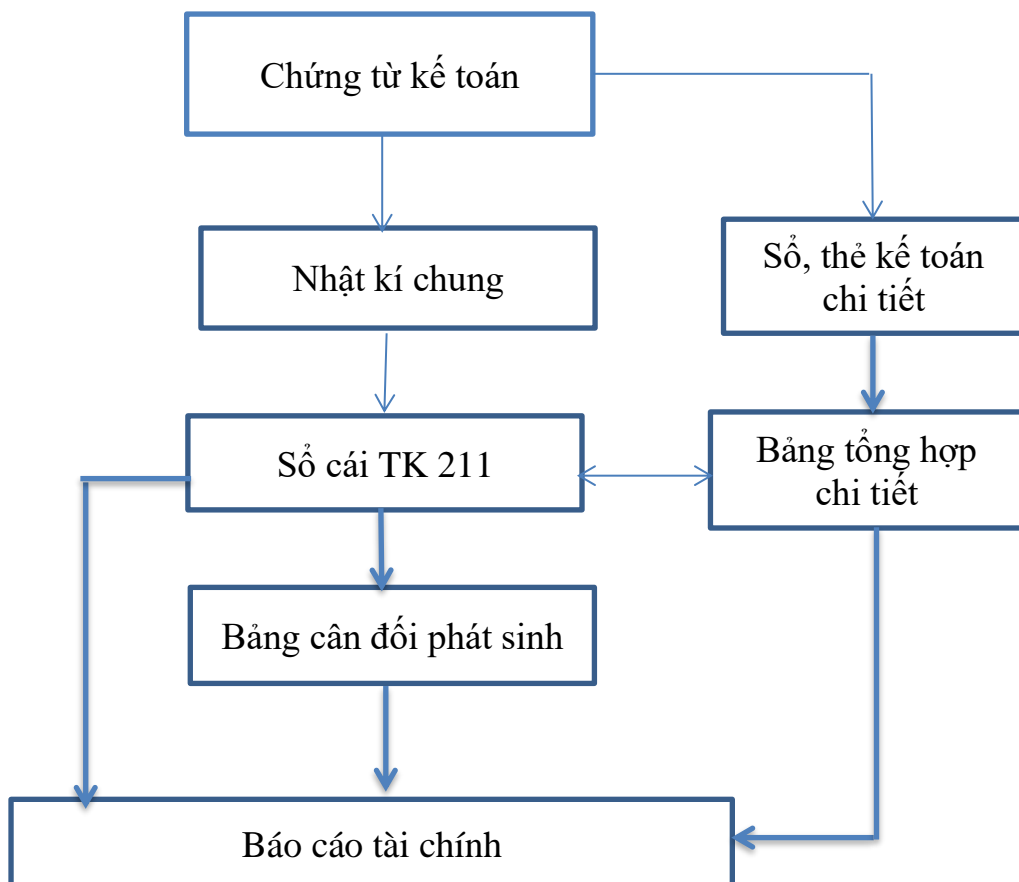
- Nguyên tắc ghi nhận theo tài sản cố định là hàng hóa theo nguyên giá.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

### 2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

Hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Sinchi Việt Nam.

Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác và kịp thời. Hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán được thiết lập theo quy định, phù hợp với đặc điểm của công ty gồm có: Nhật ký chung, sổ cái, sổ thẻ chi tiết, bảng tổng hợp.

Trình tự ghi sổ như sau :



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung.

- Ghi chú:
- Ghi theo ngày.
  - Ghi cuối tháng, định kì.
  - ↔ Kiểm tra, đối chiếu.



- Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán ban đầu hợp lệ như: hóa đơn bán hàng, phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập, phiếu xuất, bảng tính lương.

- Cuối kì, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh căn cứ vào bảng tổng hợp chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau khi đã đối chiếu, kiểm tra đúng với số liệu ghi trên bảng tổng hợp chi tiết và sổ cái, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

- Hệ thống chứng từ và tài khoản của công ty TNHH Sinchi Việt Nam.

Áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo thông tư số 200 ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính. Về chế độ tài khoản kế toán: Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán theo những quy định, kết hợp với yêu cầu, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ quản lý, hệ thống tài khoản của Công ty TNHH Sinchi Việt Nam sử dụng các tài khoản kế toán áp dụng theo TT 200 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và không có tài khoản nào không có trong chế độ. Đồng thời, các tài khoản cấp 1 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2, cấp 3, cấp 4 cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu.

## **2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM.**

### **2.2.1. Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty.**

#### **❖ Phân loại:**

Tài sản cố định của công ty bao gồm nhiều loại khác nhau cùng tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Để có thể quản lý tốt đòi hỏi công ty phải thực hiện phân loại một cách hợp lý.

*Tài sản cố định vô hình của công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất.*

*Tài sản cố định hữu hình của công ty được chia làm 4 loại:*

- + Loại 1: Nhà ở, vật kiến trúc: Văn phòng công ty, nhà máy sản xuất, nhà kho...
- + Loại 2: Máy móc thiết bị: Máy sơn tự động, máy ép, máy hàn CNC....
- + Loại 3: Phương tiện vận tải: Ô tô chở hàng, xe nâng hàng, máy kéo,
- + Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý: Máy tính, máy photo, thiết bị đo lường...

#### **❖ Đánh giá giá trị của TSCĐ:**

*Nguyên giá:*

Tại công ty TSCĐ tăng là chủ yếu do mua sắm. Đối với những sản phẩm mua sắm thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả, các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: Chi phí bốc dỡ, vận chuyển, lắp đặt...

**Nguyên giá = Giá mua thực tế + Các khoản thuế**

- *Giá trị hao mòn:*

Giá trị hao mòn của TSCĐ là tổng số khấu hao lũy kế của TSCĐ đã trích được tính đến thời điểm báo cáo

- *Giá trị còn lại:*

**Giá trị còn lại = Nguyên giá TSCĐ – Hao mòn lũy kế**

### **2.2.2. Kế toán chi tiết tài sản cố định tại công ty.**

*Quy trình mua, bán TSCĐ*

- Căn cứ vào kế hoạch, phòng kỹ thuật – vật tư lập tờ trình gửi giám đốc duyệt hồ sơ về việc mua hoặc thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

- Căn cứ vào tờ trình giám đốc đưa ra quyết định duyệt mua hoặc thanh lý TSCĐ.

- Sau khi tìm được đối tác các bên sẽ lập hợp đồng kinh tế mua bán TSCĐ.

- Biên bản giao nhận TSCĐ sẽ được lập ngay sau khi TSCĐ được hội đồng kiểm tra nghiệm thu.

- Đồng thời bên bán viết hóa đơn GTGT giao cho phòng kế toán để làm thủ tục thanh toán.

- Căn cứ vào bộ chứng từ kế toán tiến hành ghi vào thẻ TSCĐ và sổ chi tiết TSCĐ. Từ sổ thẻ chi tiết TSCĐ cuối kỳ kế toán ghi vào “Bảng tổng hợp chi tiết TSCĐ”.

- Ngoài ra, đối với việc thanh lý TSCĐ sau khi lập tờ trình, công ty sẽ tiến hành lập Biên bản giám định Biên bản đánh giá lại TSCĐ. Căn cứ vào quyết định mới của Giám đốc mới lập Biên bản thống nhất giá khởi điểm để đấu giá. Và sau đó, có Biên bản làm việc để quyết định cho người đấu giá cao nhất trước khi lập Biên bản giao nhận TSCĐ và viết hóa đơn.

*Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT.
- Hợp đồng kinh tế.
- Biên bản giao nhận TSCĐ.

- Các chứng từ khác có liên quan.

*Sổ sách sử dụng:*

- Thẻ TSCĐ.
- Bảng tổng hợp TSCĐ.

*Ví dụ minh họa:*

Ví dụ 1: Ngày 05/07/2022, công ty mua 1 máy cắt ống hộp Inox YJ400 phục vụ cho sản xuất từ công ty TNHH sản xuất tổng hợp Việt Nam với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 63.205.000 đồng, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

*Các chứng từ liên quan gồm có:*

- Hợp đồng mua bán.
- Biên bản bàn giao.
- Hóa đơn GTGT.

## **Biểu số 2.1: Hợp đồng mua bán hàng hoá**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

-----o0o-----

### **HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ**

*Số 389/2022/HĐMB*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

*Hôm nay, ngày 05 tháng 07 năm 2022, chúng tôi gồm có:*

**BÊN MUA (BÊN A): CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225867996

Đại diện bởi: Ông CHEN KO LIN.

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0200787754

Tài khoản số: 3315888002      Tại ngân hàng: INDOVINA

**BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TỔNG HỢP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 617 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0944755586

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Quốc Minh

Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Mã số thuế: 010837077

Tài khoản số: 0681387686      Tại ngân hàng: TECHCOMBANK

Trên cơ sở thỏa thuận, hai bên thống nhất ký hợp đồng mua bán với các điều khoản dưới đây:

ĐIỀU 1: Bên A đồng ý bán cho bên B các mặt hàng sau:

STT	Tên mặt hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy cắt ống hộp Inox YJ 400	1	63.205.000	63.205.000
	Cộng tiền hàng			63.205.000
	Thuế GTGT (10%)			6.320.500
	<b>Tổng tiền thanh toán</b>			<b>69.525.500</b>

Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu năm trăm hai mươi năm nghìn năm trăm đồng.

**ĐIỀU 2: THANH TOÁN.**

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bên B.

- Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng và hóa đơn giá trị gia tăng.

**ĐIỀU 3: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN HÀNG.**

- Thời gian: Trong ngày 05/07/2022

- Địa điểm: Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

- Bên B sẽ giao trực tiếp cho bên A hoặc giao cho người ủy quyền.

**ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN.**

- Bên B có nghĩa vụ giao hàng đảm bảo đúng thời gian, địa điểm, chủng loại, quy cách, chất lượng theo quy định trong hợp đồng này.

- Bên B có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ, tài liệu hợp lệ cho bên A và có trách nhiệm pháp lý về tính hợp lệ của hóa đơn, chứng từ, tài liệu đó.

- Bên A có trách nhiệm nhận hàng nhanh chóng, thanh toán tiền cho bên B đúng theo phương thức, thời gian đã thống nhất giữa hai bên.

**ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.**

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản trên. Nếu thấy vướng mắc hai bên phải thông báo cho nhau để cùng bàn bạc giải quyết và được thể hiện bằng văn bản mới có giá trị thi hành. Nếu có một bên đơn phương thay đổi phải chịu bồi thường toàn bộ thiệt hại vật chất do bên thay đổi gây ra. Trong trường hợp hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa ra tòa án kinh tế thành phố Hải Phòng. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên thi hành. Phí do bên thua kiện chịu.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kí.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản và có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

- Sau khi các bên thực hiện xong quyền và nghĩa vụ của mình được ghi trong hợp đồng thì hợp đồng coi như được thanh lý.

ĐẠI DIỆN BÊN  
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC

**Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT**

<b>STT</b> (No.)	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b> (Description)	<b>Đơn vị tính</b> (Unit)	<b>Số lượng</b> (Quantity)	<b>Đơn giá</b> (Unit price)	<b>Thành tiền</b> (Amount)
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6 = 4 x 5</b>
1	Máy cắt ống hộp Inox YJ 400	Chiếc	1	63.205.000	63.205.000
Tỷ giá (Exchange rate):		Cộng tiền hàng (Sub total):			63.205.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			6.320.500
Tổng tiền thanh toán (Total of payment):					<b>69.525.500</b>
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): <b>Sáu mươi chín triệu năm trăm hai mươi năm nghìn năm trăm đồng.</b>					
<b>Người mua hàng (Buyer)</b> (Chữ ký số (nếu có)) (Digital signature (if any))			<b>Người bán hàng (Seller)</b> (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) (E-Signature, Digital signature)		
<div style="border: 1px solid red; padding: 5px; margin: 10px auto; width: fit-content;"> <p style="color: red; margin: 0;">Signature Valid</p> <p style="color: red; margin: 0;">Ký bởi: <b>CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TỔNG HỢP VIỆT NAM</b></p> <p style="color: red; margin: 0;">Ký ngày: 05/07/2022</p> </div>					

**Biểu số 2.3: Biên bản bàn giao TSCĐ**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Sinchi Việt Nam CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
công nghệ Đồ Sơn, Phường Ngọc  
Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải  
Phòng.

-----\*\*\*-----

## **BIÊN BẢN BÀN GIAO TSCĐ**

Ngày 05 tháng 07 năm 2022

Số 138

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-MSTS ngày 05/07/2022 của công ty TNHH Sinchi Việt Nam về việc bàn giao tài sản cố định.

1/ Đại diện: Bên giao công ty TNHH sản xuất tổng hợp Việt Nam.

Ông: Nguyễn Văn Huy – Kế toán.

2/ Đại diện: Bên nhận công ty TNHH Sinchi Việt Nam.

Bà: Trần Ánh Tuyền – Kế toán trưởng.

Địa điểm giao nhận TSCĐ: Văn phòng công ty TNHH Sinchi Việt Nam.

Xác nhận việc bàn giao TSCĐ như sau:

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Giá mua	Chi phí khác	Nguyên giá
1	Máy cắt ống hộp Inox YJ 400	Chiếc	01	63.205.000		63.205.000
	Cộng			63.205.000		63.205.000

- Kèm theo: 01 Biên bản bàn giao kèm phiếu bảo hành.

01 Hóa đơn GTGT.

- Biên bản kết thúc vào hồi 15 giờ cùng ngày. Hai bên đều thống nhất kí tên.

- Biên bản được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 01 bản để làm chứng từ thanh toán.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

**Biểu số 2.4: Thẻ tài sản cố định**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

**Mẫu số S23-DN**

**Địa chỉ:** Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
công nghệ Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên,  
Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số 70, ngày 05 tháng 07 năm 2022.

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 138 ngày 05 tháng 07 năm 2022.

Tên, mã ký hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy cắt ống hộp Inox YJ 400

Số hiệu TSCĐ: MMTB2038

Nước sản xuất (xây dựng) Đài Loan

Năm sản xuất: 2021

Bộ phận quản lý, sử dụng: Sản xuất

Năm sử dụng: 2022

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn		
	Ngày, tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	05/07/2022	Máy cắt ống hộp Inox YJ 400	<b>63.205.000</b>	2022		
				2022	7.900.625	7.900.625
				2023	15.801.250	23.701.875
				2024	15.801.250	39.503.125
				2025	15.801.250	55.304.375
				2026	7.900.625	<b>63.205.000</b>

#### Dụng cụ phụ tùng kèm theo

STT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	Đơn vị	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Ghi tăng TSCĐ ngày 05 tháng 07 năm 2022

Lý do tăng.....

Ngày 05 tháng 07 năm 2022.

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.5: Giấy báo nợ của ngân hàng.**



Ngân hàng  
INDOVINA

GIẤY BÁO NỢ  
Ngày 05 / 07 / 2022

Mã GDV: MCKL200  
Mã KH: 18273  
Số GD: 1089

Kính gửi: Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

Mã số thuế: 0200787754

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 3315888002

Số tiền bằng số: 69.525.500 đồng.

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi chín triệu năm trăm hai mươi năm nghìn năm trăm đồng.

**Nội dung:** Công ty trả tiền máy cắt ống hộp Inox YJ 400 cho công ty TNHH Sản xuất tổng hợp Việt Nam.

Giao dịch viên  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Kiểm soát  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## Biểu số 2.6: Ủy nhiệm chi



### ỦY NHIỆM CHI/ PAYMENT ORDER

MST: 0200787754

Số/ No: BN00368

Ngày/ Date 5/7/2022

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ APPLICANT

Tên tài khoản/ Acct's Name: CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM

Số tài khoản/ Acct No: 3315888002      Tại ngân hàng INDOVINA\_Chi nhánh/      At ACB Branch: IVB Hải Phòng

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ BENEFICIARY

Đơn vị thụ hưởng/ Beneficiary: Công ty TNHH Sản xuất tổng hợp Việt Nam

Số tài khoản/ Acct No: 0681387686

CMND/Hộ chiếu/ ID CARD/PP No: ..... Ngày cấp/ Date: ..... Nơi cấp/ Place: .....

Tại ngân hàng/ Beneficiary's Bank: Ngân hàng TECOMBANK      Tỉnh, TP/ Province, City: Hải Phòng

Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Sáu mươi chín triệu năm trăm hai mươi năm nghìn năm trăm đồng.      Bảng số      69.525.500 VND  
In figures

Nội dung/ Details Thanh toán tiền máy cắt ống hộp Inox YJ 400 cho công ty TNHH Sản xuất tổng hợp Việt Nam

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ APPLICANT		NGÂN HÀNG Á CHÂU/ IVB		NGÂN HÀNG BI/ B Bank	
Kế toán trưởng Chief Accountant	Chủ tài khoản Account Holder	Ghi số ngày/ Post Date: ...../...../..... Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervisor	Ghi số ngày/ Post Date: ...../...../..... Giao dịch viên Teller	Trưởng đơn vị Manager

Ví dụ 2: Ngày 29/07/2022, công ty thanh lý 1 máy gia công CNC SJ340 cho công ty CP Hisung, máy có nguyên giá 418.460.000 đồng, hao mòn lũy kế 418.460.000 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng, giá trị thu hồi từ thanh lý: 52.589.000 đồng, chưa có thuế GTGT 10% đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Khi tiến hành thanh lý cần lập một hội đồng thanh lý tiến hành công việc đánh giá tài sản theo hiện trạng, tình hình kỹ thuật, giá trị còn lại, kèm theo “Biên bản thanh lý TSCĐ”.

Căn cứ vào hóa đơn và chứng từ liên quan kế toán tiến hành ghi “Thẻ TSCĐ” và “Sổ chi tiết TK 211”.

## **Biểu số 2.7: Biên bản thanh lý TSCĐ.**

### **BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ**

Ngày 29 tháng 07 năm 2022

Căn cứ QĐ số 108, ngày 29 tháng 07 năm 2022 của công ty TNHH Sinchi Việt Nam về việc thanh lý TSCĐ.

#### **I/ Ban thanh lý TSCĐ bao gồm:**

- Ông: Chen Ko Lin                      Chức vụ: Giám Đốc
- Bà: Trần Ánh Tuyết                      Chức vụ: Kế toán Trưởng

#### **II/ Tiến hành thanh lý TSCĐ.**

+ Tên, mã ký hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy gia công loại I SJ340

Số khung:    Số máy: I200

+ Số lượng: 01

+ Nước sản xuất: Nhật Bản

+ Năm đưa vào sử dụng: 2015                      Số thẻ TSCĐ: 142

+ Nguyên giá TSCĐ: 418.460.000 đồng.

+ Giá trị còn lại: 0.

#### **III/ Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ.**

Ban thanh lý quyết định nhượng bán máy gia công CNC SJ340 cho công ty CP Hisung. TSCĐ theo giá thị trường là 52.589.000 đồng, chấp nhận bán thanh lý với giá 52.589.000 đồng (chưa thuế GTGT 10%).

#### **IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ.**

+ Giá trị thu hồi: 52.589.000 đồng (Viết bằng chữ: Năm mươi hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng chẵn).

+ Đã ghi giảm sổ TSCĐ.

*Ngày 29 tháng 07 năm 2022.*

Kế toán Trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám Đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.8: Giấy báo có của ngân hàng.**

Ngân hàng	GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV: HISUNG220
INDOVINA	Ngày 29 / 07 / 2022	Mã KH: 18280
		Số GD: 1099

Kính gửi: Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

Mã số thuế: 0200787754

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 3315888002

Số tiền bằng số: 57.847.900 đồng.

Số tiền bằng chữ: Năm mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm đồng.

**Nội dung:** Thu tiền thanh lý máy gia công CNC SJ340 của công ty CP Hisung.

Giao dịch viên  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Kiểm soát  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## **Biểu số 2.9: Thẻ tài sản cố định.**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

**Mẫu số S23-DN**

**Địa chỉ:** Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghệ Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Số 42, ngày 29 tháng 07 năm 2022.

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 142 ngày 29 tháng 07 năm 2022.

Tên, mã ký hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy gia công CNC SJ340.

Số hiệu TSCĐ: MGCST42.

Nước sản xuất (xây dựng): Nhật Bản.

Bộ phận quản lý, sử dụng: Sản xuất.

Năm đình chỉ sử dụng: Ngày 29 tháng 07 năm 2022.

Lí do đình chỉ: Bán thanh lý.

Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn	
Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
29/07/2015	Mua máy gia công CNC SJ340	<b>418.460.000</b>		
31/12/2015	Phân bổ khấu hao TSCĐ		29.890.000	29.890.000
31/12/2016	Phân bổ khấu hao TSCĐ		59.780.000	86.670.000
31/12/2017	Phân bổ khấu hao TSCĐ		59.780.000	148.450.000
31/12/2018	Phân bổ khấu hao TSCĐ		59.780.000	209.230.000
31/12/2019	Phân bổ khấu hao TSCĐ		59.780.000	269.010.000
31/12/2020	Phân bổ khấu hao TSCĐ		59.780.000	328.790.000
31/12/2021	Phân bổ khấu hao TSCĐ		59.780.000	388.570.000
30/06/2022	Phân bổ khấu hao TSCĐ		29.890.000	<b>418.460.000</b>

Ghi giảm TSCĐ theo Biên bản thanh lý TSCĐ số 142 ngày 29/07/2022.

Lý do giảm: Bán thanh lý TSCĐ.

Ngày 29 tháng 07 năm 2022.

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Biểu số 2.10: Sổ chi tiết TK 211

**Đơn vị:** Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

**Địa chỉ:** Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

### SỔ CHI TIẾT

**TK 2111: Tài sản cố định hữu hình.**

**Loại tài sản: Máy móc thiết bị.**

*Đơn vị tính: Đồng.*

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		<b>Số dư đầu năm</b>				<b>150.847.056.456</b>	
HĐ 1220	05/07/ 22	Mua máy cắt sắt ống hộp Inox YJ400	112	63.205.000		150.910.261.456	
BBT L 142	29/07/ 22	Thanh lý máy gia công CNC SJ340	214		418.460.000	150.491.801.456	
HĐ 1235	15/09/ 22	Mua máy cắt kim loại AP – 70 Đà Loan	112	70.500.000		150.562.301.456	
		<b>Số phát sinh</b>		<b>133.705.000</b>	<b>418.460.000</b>		
		<b>Số dư cuối năm</b>				<b>150.562.301.456</b>	

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2022.*

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán Trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám Đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

## Biểu số 2.11: Sổ tổng hợp tài sản cố định.

**Đơn vị:** Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

**Địa chỉ:** Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

### BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2022.

Đơn vị tính: Đồng

TT	Loại tài sản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Nhà cửa vật kiến trúc	119.586.185.991		10.269.850.545		129.856.036.536	
2	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>150.847.056.456</b>		<b>133.705.000</b>	<b>418.460.000</b>	<b>150.562.301.456</b>	
3	Phương tiện vận tải	2.435.025.455		950.780.400	0	3.385.805.855	
4	Thiết bị, dụng cụ	5.764.042.165		160.564.000	0	5.924.606.165	
5	Tài sản cố định khác	261.900.914		0	0	261.900.914	
	<b>Cộng</b>	<b>278.894.210.981</b>		<b>11.514.899.945</b>	<b>418.460.000</b>	<b>289.990.650.926</b>	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán Trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám Đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



### 2.2.3. Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam.

*Tài khoản sử dụng:*

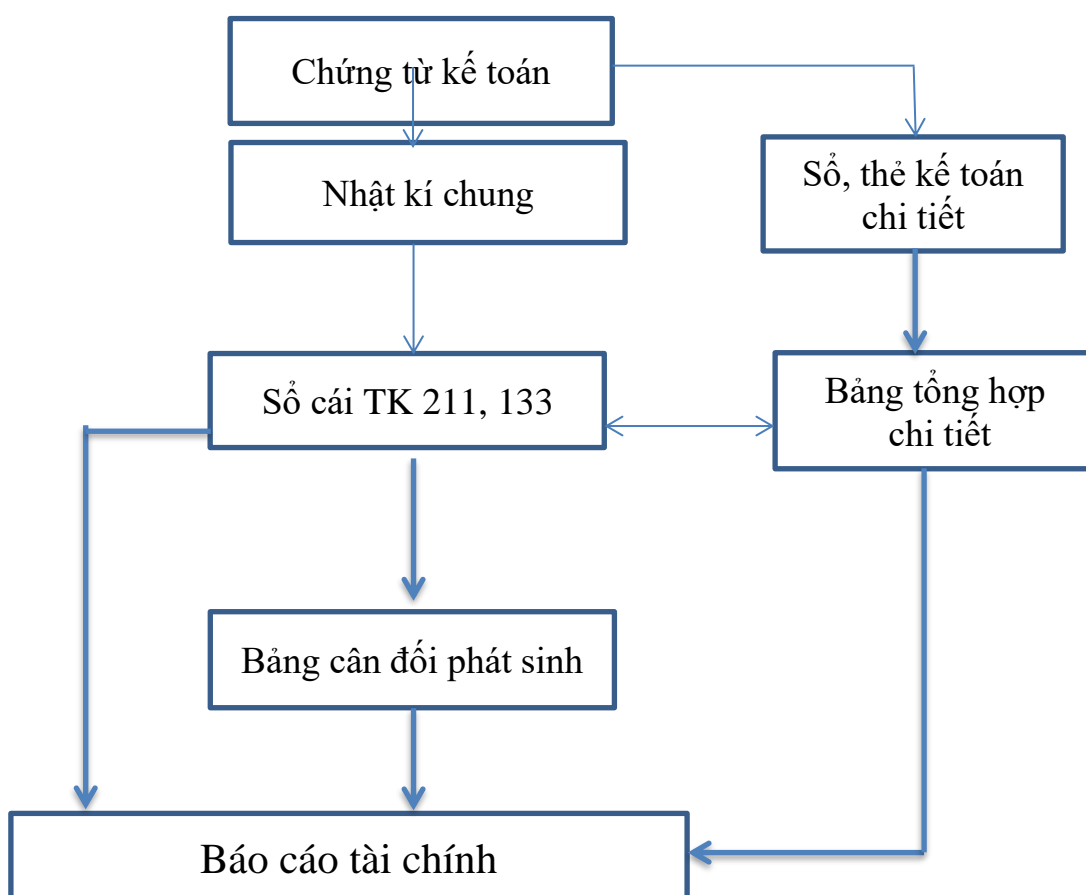
- TK 211: TSCĐ hữu hình.
- TK 214: Hao mòn TSCĐ.
- TK khác có liên quan: TK 111, 112, 331...

*Chứng từ sử dụng:*

- Hợp đồng mua bán TSCĐ.
- Hóa đơn GTGT.
- Biên bản thanh lý TSCĐ.
- Biên bản giao nhận TSCĐ.
- Các chứng từ liên quan khác.

*Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật kí chung.
- Sổ cái TK 211.



*Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật kí chung.*

- Ghi chú:
- Ghi theo ngày.
  - Ghi cuối tháng, định kì.
  - ↔ Kiểm tra, đối chiếu.

Quy trình ghi sổ:

Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ hóa đơn GTGT, hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận, biên bản thanh lý... Dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật kí chung. Cuối ngày, căn cứ số liệu đã ghi trên nhật kí chung, kế toán vào sổ cái các TK 211.

Cuối kì, kế toán sẽ cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh.

Sau khi đã cộng đối chiếu đúng số liệu, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập các báo cáo tài chính.

*Ví dụ 1:* Ngày 29/07/2022, công ty thanh lý 1 máy gia công CNC SJ340 cho công ty CP Hisung, máy có nguyên giá 418.460.000 đồng, hao mòn lũy kế 418.460.000 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng, giá trị thu hồi từ thanh lý: 52.589.000 đồng, chưa có thuế GTGT 10% đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Nguyên giá 418.460.000 đồng, hao mòn lũy kế 418.460.000 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng, giá trị thu hồi từ thanh lý là 52.589.000 đồng, chưa có thuế GTGT đã thu bằng tiền gửi ngân hàng.

Khi tiến hành thanh lý cần lập một hội đồng thanh lý tiến hành công việc đánh giá tài sản theo hiện trạng, tình hình kĩ thuật, giá trị còn lại, kèm theo “Biên bản thanh lý TSCĐ”

Căn cứ vào hóa đơn và chứng từ liên quan đến kế toán tiến hành ghi “thẻ TSCĐ” và “sổ chi tiết TSCĐ TK 211”.

*Ví dụ 2:* Ngày 15/09/2022, công ty mua máy cắt kim loại AP – 70 Đà Loan ở bộ phận sản xuất với giá mua chưa thuế là 70.500.000 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

**Biểu số 2.12: Hóa đơn giá trị gia tăng**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> <b>(VAT INVOICE)</b> Ký hiệu (Serial): <b>1C22TYY</b> Ngày(Date) 29 tháng(month) 07 năm(year) 2022Số (No.): 1226 <b>(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)</b> <b>(EINVOICE DISPLAY VERSION)</b> Mã của CQT:008DB2F8D44E7D43B49052300DE51E269A					
Đơn vị bán hàng (Seller): <b>CÔNG TY TNHH SIN CHI VIỆT NAM</b> Mã số thuế (Tax code): <b>0200787754</b> Địa chỉ (Address): Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Điện thoại (Tel): 0225867996 Số tài khoản (Bank A/C): 3315888002 Ngân hàng: INDOVINA					
Người mua hàng (Buyer): Nguyễn Mỹ Linh Tên đơn vị (Company): <b>CÔNG TY CP Hisung</b> Mã số thuế (Tax code): <b>0500555923</b> Địa chỉ (Address): Cụm Thanh Oai, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội. Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank A/C): 2209878909 Ngân hàng: VIETCOMBANK					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6 = 4 x 5</b>
1	Máy gia công CNC SJ340	Chiếc	1	52.589.00	52.589.000
Tỷ giá (Exchange rate):		Cộng tiền hàng (Sub total):			<b>52.589.00</b>
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			<b>5.256.900</b>
Tổng tiền thanh toán (Total of payment):				<b>57.847.900</b>	
<b>Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm đồng.</b>					
Người mua hàng (Buyer) (Chữ ký số (nếu có)) (Digital signature (if any))			Người bán hàng (Seller) (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) (E-Signature, Digital signature)		
			<div style="border: 1px solid red; padding: 5px;"><p style="color: red; text-align: center;">Signature Valid</p><p style="text-align: center;"></p><p style="color: red; text-align: center;">Ký bởi: <b>CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM</b> Ký ngày: 29/07/2022</p></div>		

## Biểu số 2.13: Giấy báo có

Ngân hàng  
INDOVINA

GIẤY BÁO CÓ  
Ngày 29 / 07 / 2022

Mã GDV: HISUNG220  
Mã KH: 18280  
Số GD: 1080

Kính gửi: Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

Mã số thuế: 0200787754

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 3315888002

Số tiền bằng số: 57.847.900 đồng.

Số tiền bằng chữ: Năm mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm đồng.

**Nội dung:** Thu tiền thanh lý máy gia công CNC SJ340 của công ty CP Hisung.

Giao dịch viên  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Kiểm soát  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## Biểu số 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng

### HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): **1C22TTY**

Ngày (Date) 15 tháng (month) 09 năm (year) 2022 Số (No.): 1235

(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)

(EINVOICE DISPLAY VERSION)

Mã của CQT: 008DB2F8D44E7D43B49052300DE51E269A

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MAI HƯƠNG**Mã số thuế (Tax code): **0305550512**.Địa chỉ (Address): **Số 122 đường Tam Châu, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.**

Điện thoại (Tel): 0918199903.

Số tài khoản (Bank A/C): 0976597126.

Ngân hàng: VIETCOMBANK

Người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY TNHH SIN CHI VIỆT NAM**Mã số thuế (Tax code): **0200787754**.Địa chỉ (Address): **Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.**Hình thức thanh toán (Payment method): **Chuyển khoản**

Số tài khoản (Bank A/C): 3315888002.

Ngân hàng: INDOVINA

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6 = 4 x 5</b>
1	Mua máy cắt kim loại AP – 70 Đài Loan	Chiếc	1	70.500.000	70.500.000

Tỷ giá (Exchange rate): Cộng tiền hàng (Sub total): **70.500.000**Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế GTGT (VAT amount): **7.050.000**Tổng tiền thanh toán (Total of payment): **77.550.000**Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.**Người mua hàng (Buyer)  
(Chữ ký số (nếu có))  
(Digital signature (if any))Người bán hàng (Seller)  
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)  
(E-Signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MAI****HƯƠNG**

Ký ngày: 15/09/2022

## Biểu số 2.15: Nhật kí chung.

Công ty TNHH SINCHI Việt Nam.

Mẫu số: S03a – DN

Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số: 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2022.

ĐVT: Đồng.

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
....	....	....	....	....	....	....
05/07 /22	HD 1220 GBN 1089	05/07 /22	Mua máy cắt ống hợp Inox YJ400 của công ty TNHH sản xuất tổng hợp Việt Nam	211	63.205.000	
				133	6.320.500	
				112		69.525.500
29/07 /22	BBTL 142	29/07 /22	Thanh lý máy gia công CNC SJ340 cho công ty CP Hisung	214	418.460.000	
				211		418.460.000
29/07 /22	HD 1226 GBC 1099	29/07 /22	Hạch toán từ bán máy gia công loại I SJ340 cho công ty CP Hisung	112	57.847.900	
				711		52.589.000
				333		5.258.900
02/08 /22	PC731 HD 1230	02/08 /22	Chi phí bảo dưỡng ô tô 4 chỗ	642	8.857.000	
				133	885.700	
				111		9.742.700
15/09 /22	HD 1235	15/09 /22	Mua máy cắt kim loại AP – 70 Đài Loan	211	70.500.000	
				133	7.050.000	
				331		77.550.000
			.....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>15.999.921.024.259</b>	<b>15.999.921.024.259</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán Trưởng

(Ký, họ tên)

Giám Đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Biểu số 2.16: Sổ cái TK 211

Công ty TNHH SINCHI Việt Nam.  
Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc  
Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

Mẫu số: S03b – DNN  
(Ban hành theo QĐ số: 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**  
**Tài khoản: Tài sản cố định.**  
**Số hiệu: 211**  
Năm 2022

ĐVT: Đồng.

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			<b>Số dư đầu năm</b>		<b>278.894.210.981</b>		
05/07/22	HĐ1220 GBN1089	05/07/22	Mua máy cắt ống hợp Inox YJ400 của công ty TNHH sản xuất tổng hợp Việt Nam	112	63.205.000		
29/07/22	BBTL142	29/07/22	Thanh lý máy gia công CNC SJ340	214		418.460.000	
15/09/22	HĐ 1233	15/09/22	Mua máy cắt kim loại AP- 70 Đài Loan	331	70.500.000		
			....				
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>11.514.899.945</b>	<b>418.460.000</b>	
			<b>Số dư cuối năm</b>		<b>289.990.650.926</b>		

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán Trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám Đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

#### **2.2.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định.**

Công ty TNHH Sinchi Việt Nam áp dụng phương pháp tính khấu hao đường thẳng cho toàn bộ TSCĐ sử dụng trong công ty. Mức trích khấu hao được tính như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao 1 năm} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng còn lại (năm)}}$$

$$\text{Mức trích khấu hao 1 tháng} = \frac{\text{Mức trích khấu hao 1 năm}}{12 \text{ tháng}}$$

Thời gian sử dụng của TSCĐ được công ty xác định theo phụ lục I khung thời gian trích khấu hao các loại TSCĐ (Ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính).

*Tài khoản sử dụng:*

- TK 214, 641, 642, 627.

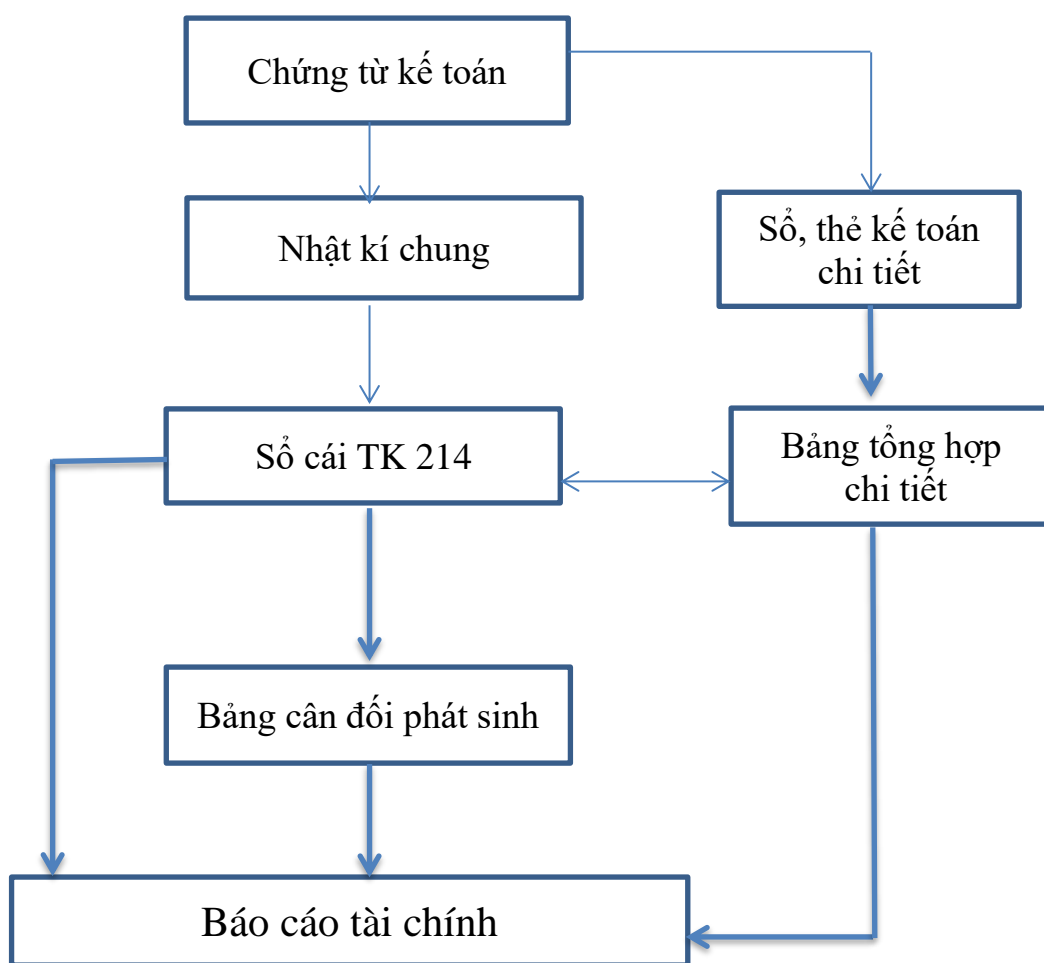
*Chứng từ sử dụng:*

- Bảng tính và phân bổ khấu hao.

*Sổ sách sử dụng:*

- Sổ Nhật kí chung.
- Sổ Cái TK 214.





*Trình tự ghi sổ kế toán khấu hao TSCĐ.*

- Ghi chú:   
 —————> Ghi theo ngày.   
 —————> Ghi cuối tháng, định kì.   
 <————> Kiểm tra, đối chiếu.

Hằng ngày, căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung. Cuối ngày, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật chung, kế toán ghi vào sổ các TK 214.

Cuối kì, kế toán sẽ cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 15/09/2022, công ty TNHH Sinchi Việt Nam đã mua 1 máy cắt cắt kim loại AP- 70, giá mua trên hóa đơn là 70.500.000 đồng, thời gian tính khấu hao là 4 năm. Máy được đưa vào sử dụng vào ngày 15/09/2022, kế toán đưa vào tính khấu hao từ ngày 15/09/2022.

Nguyên giá TSCĐ = 70.500.000 đồng.

Mức trích khấu hao 1 năm =  $70.500.000 / 4 \text{ năm} = 17.625.000 \text{ đồng/năm}$ .

Mức trích khấu hao 1 tháng =  $17.625.000 / 12 \text{ tháng} = 1.468.750 \text{ đồng/ tháng}$ .

Mức trích khấu hao tháng 9 =  $1.468.750/30 \times 16 = 783.333 \text{ đồng}$ .

**BIỂU SỐ 2.17: Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định**  
**BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tháng 12 năm 2022

TT	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Năm sử dụng	Mức KH năm	Mức KH tháng	Tài khoản ghi nợ		Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
						TK 627	TK 642		
	.....								
1	Máy cắt hộp Inox YJ400	63.205.000	4	15.801.250	1.316.771	1.316.771		5.267.089	57.937.916
2	<b>Máy cắt kim loại AP- 70</b>	<b>70.500.000</b>	<b>4</b>	<b>17.625.000</b>	<b>783.333</b>	<b>783.333</b>		<b>5.189.583</b>	<b>65.310.417</b>
3	Máy gia công CNC SJ340	418.460.000	7	59.780.000	4.981.667	4.981.667		34.871.669	383.588.33
4	Máy quét Scan 7500	42.990.000	3	14.330.000	1.194.167		1.194.167	4.776.668	38.213.332
5	Máy chiếu EPSON EB- 50	65.610.000	3	21.870.000	1.822.500		1.822.500	9.112.500	56.497.500
	...								
	<b>Cộng</b>	<b>289.990.650.926</b>			<b>3.020.735.947</b>	<b>2.200.588.756</b>	<b>820.147.191</b>	<b>190.680.320.365</b>	<b>99.310.330.561</b>

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2022*

**Người lập**  
(*Đã ký*)

**Kế toán trưởng**  
(*Đã ký*)

**Giám Đốc**  
(*Đã ký tên, đóng dấu*)

## Biểu số 2.18: Sổ nhật kí chung

Công ty TNHH SINCHI Việt Nam.

Mẫu số: S03a – DN

Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số: 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2022.

DVT: Đồng.

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
....	....	....	....	....	....	....
05/07/22	HĐ 1220 GBN 1089	05/07/22	Mua máy cắt ống hợp Inox YJ400 của công ty TNHH sản xuất tổng hợp Việt Nam	211	63.205.000	
				133	6.320.500	
				112		69.525.500
29/07/22	BBTL 142	29/07/22	Thanh lý máy gia công CNC SJ340 cho công ty CP Hisung	214	418.460.000	
				211		418.460.000
29/07/22	HĐ 1226 GBC 1099	29/07/22	Hạch toán từ bán máy gia công loại I SJ340 cho công ty CP Hisung	112	57.847.900	
				711		52.589.000
				333		5.258.900
02/08/22	PC 731 HĐ 1230	02/08/22	Chi phí bảo dưỡng máy in	642	6.750.000	
				133	675.000	
				111		7.425.000
14/08/22	GBN 1120	14/08/22	Mua máy photocopy của công ty CPN	642	31.960.000	
				133	3.196.000	
				112		35.156.000

<b>15/09/22</b>	<b>HD 1235</b>	<b>15/09/22</b>	<b>Mua máy cắt kim loại AP – 70 Đà Loan</b>	<b>211</b>	<b>70.500.000</b>	
				<b>133</b>	<b>7.050.000</b>	
				<b>331</b>		<b>77.550.000</b>
<b>31/12/22</b>	<b>PBKH 12</b>	<b>31/12/22</b>	<b>Khấu hao TSCĐ tháng 12/2022</b>	627	2.200.588.756	
				642	820.147.191	
				214		3.020.735.947
			....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>15.999.921.024.259</b>	<b>15.999.921.024.259</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán Trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám Đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Biểu số 2.19: Trích sổ Cái TK 214

Công ty TNHH SINCHI Việt Nam.

Mẫu số: S03b – DNN

Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số: 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### SỔ CÁI

Tài khoản: Hao mòn tài sản.

Số hiệu: 214

Năm 2022

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐU	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu năm			<b>154.206.521.365</b>	
			....				
29/07/22	BBTL 142	29/07/22	Thanh lý máy gia công CNC SJ340	211	418.460.000		
31/12/22	PBKH 12	31/12/22	Khấu hao tháng 12/2022	627		2.200.588.756	
				642		820.147.191	
			.....				
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>418.460.000</b>	<b>36.892.259.000</b>	
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b>190.680.320.365</b>	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Người lập**

(Đã ký)

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)

**Giám Đốc**

(Đã ký tên, đóng dấu)

### **2.2.5. Kế toán sửa chữa tài sản cố định.**

Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ thường phát sinh tương đối, giá trị thấp nên kế toán phải ảnh trực tiếp vào chi phí SXKD trong kì hạch toán công ty có thể tự sửa đối với những trường hợp bị hỏng đơn giản. Trong trường hợp không tự sửa được công ty sẽ đi thuê ngoài.

*Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu chi, HĐGTGT (Liên 2).
- Bảng tính lương công nhân viên sửa chữa thường xuyên TSCĐ.

*Tài khoản sử dụng:*

- TK 133, 331, 642, 627,...

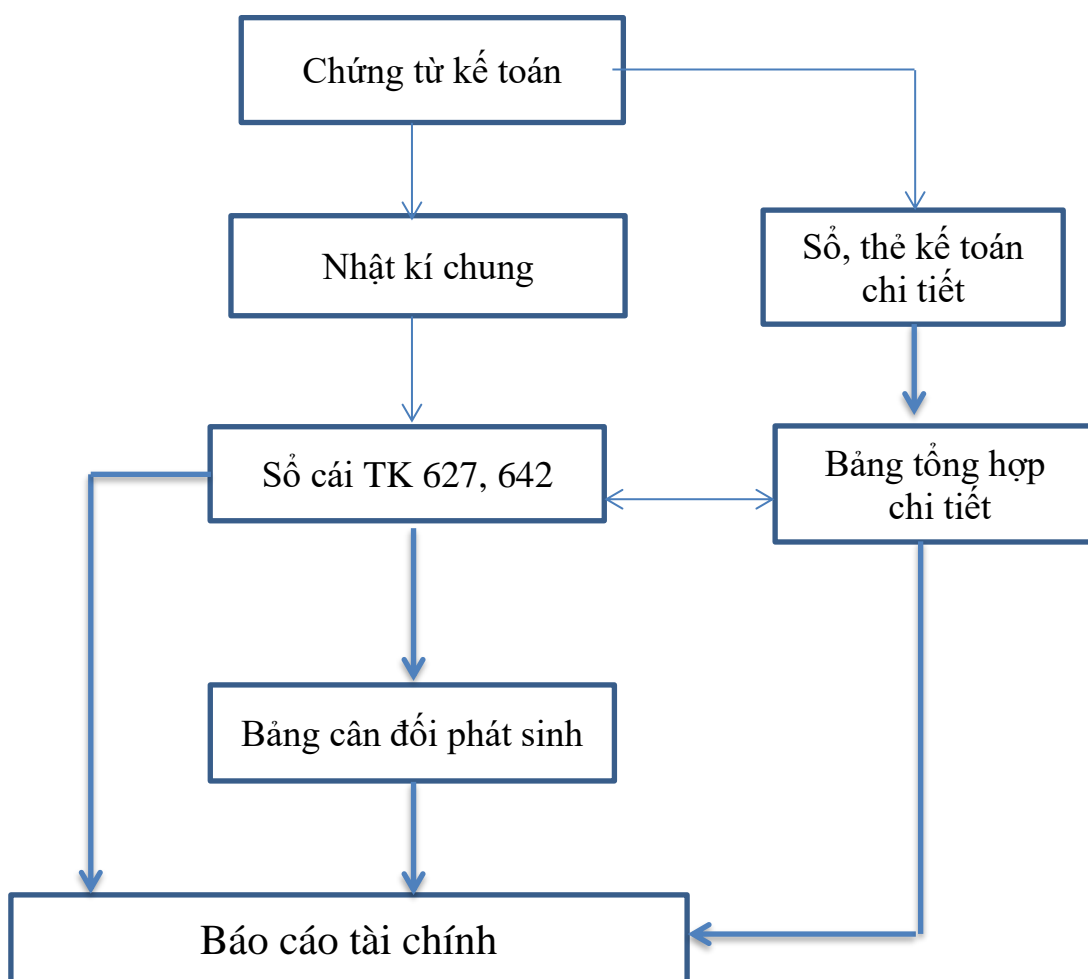
*Trình tự luân chuyển chứng từ*

Khi phát sinh chi phí sửa chữa TSCĐ, bộ phận quản lí TSCĐ tiến hành lập danh mục vật tư dưới sự giám sát, kiểm tra của lãnh đạo doanh nghiệp. Sau khi danh mục vật tư được lập, các đơn vị trình Giám đốc kí duyệt với đầy đủ chữ kí của các bên và bộ phận theo dõi, kiểm tra.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, mua dịch vụ, phiếu xuất kho, phiếu chi, bảng tính lương,... phát sinh trong quá trình sửa chữa thường xuyên, kế toán tập hợp vào trực tiếp vào chi phí liên quan của từng bộ phận. Phát sinh sửa chữa thường xuyên đến đâu thì tập hợp chi phí đến đó.

Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ về chi phí sửa chữa thường xuyên thực tế phát sinh, kế toán tiến hành tập hợp chi phí chuyển vào sổ Nhật kí chung và sổ cái các TK có liên quan.

*Quy trình hạch toán:*



*Trình tự ghi sổ kế toán sửa chữa TSCĐ.*

- Ghi chú:
- Ghi theo ngày.
  - Ghi cuối tháng, định kì.
  - ↔ Kiểm tra, đối chiếu.



*Ví dụ 1:* Ngày 02/08/2022, công ty chi tiền bảo dưỡng máy in, số tiền chưa thuế 7.425.000 đồng, thuế GTGT 10%, thanh toán bằng tiền mặt.

*Ví dụ 2:* Ngày 09/11/2022, công ty chi tiền bảo dưỡng máy photocopy số tiền chưa thuế GTGT 6.795.000 đồng, thuế GTGT 10% thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Khi TSCĐ xuống cấp hoặc bị hỏng quản lí Phạm Văn Công viết “Đơn đề nghị bảo dưỡng sửa chữa” trình lên giám đốc. Khi đơn đề nghị được chấp thuận thì tiến hành mang TSCĐ đi bảo dưỡng. Sau khi quá trình bảo dưỡng hoàn tất thì “Hóa đơn GTGT”. Đồng thời kế toán nhận được “Bảng tổng hợp chi phí sửa chữa thường xuyên” được gửi về doanh nghiệp. Kế toán căn cứ hóa đơn để viết “Phiếu chi” để trả tiền cho bên sửa chữa.

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi vào “Nhật kí chung”. Từ Nhật kí chung kế toán vào “Sổ cái TK 642”, sổ cái TK133, 111.

## Biểu số 2.20: Hóa đơn giá trị gia tăng

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Bộ con lăn cuốn giấy HP 2000 S1	Bộ	1	1.450.000	1.450.000
3	Đèn máy HP 7000 S3	Cái	1	5.300.000	5.300.000
Tỷ giá (Exchange rate) Cộng tiền hàng (Sub total):					<b>6.750.000</b>
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế GTGT (VAT amount):					<b>675.000</b>
Tổng tiền thanh toán (Total of payment):					<b>7.425.000</b>
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): <b>Bảy triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn</b>					
Người mua hàng (Buyer) (Chữ ký số (nếu có)) (Digital signature (if any))			Người bán hàng (Seller) (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) (E-Signature, Digital signature)		
			<div style="border: 1px solid red; padding: 5px;"><p style="color: red; margin: 0;">Signature Valid</p><p style="color: green; font-size: 2em; margin: 0;">✔</p><p style="color: red; margin: 0;">Ký bởi: <b>CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH GIA MINH</b></p><p style="color: red; margin: 0;"><b>TÍNH GIA MINH</b></p><p style="color: red; margin: 0;">Ký ngày: 02/08/2022</p></div>		

## Biểu số 2.21: Phiếu chi

**Đơn vị:** Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

**Địa chỉ:** Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 KCN  
Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn,  
Thành phố Hải Phòng.

**Mẫu số 02 - TT**

(Ban hành theo Thông tư số:  
200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của BTC)

### PHIẾU CHI

Ngày 02 tháng 08 năm 2022.

Số: 600

Nợ 642

Nợ 133

Có 111

Họ và tên người nhận tiền: CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH GIA MINH

Địa chỉ: Số 6C32 Trại Chuối, Phường Trại Chuối, Quận Hồng Bàng, Thành phố  
Hải Phòng.

Lý do chi: Thanh toán tiền bảo dưỡng máy in

Số tiền: 7.425.000 đồng (Viết bằng chữ): Bảy triệu bốn trăm hai mươi năm  
nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01..... Chứng từ gốc:.....

Ngày 02 tháng 08 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

## Biểu số 2.22: Hóa đơn giá trị gia tăng

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> <b>(VAT INVOICE)</b>					
			Ký hiệu (Serial): <b>1C22TYY</b>		
Ngày(Date) 09 tháng(month) 11 năm(year) 2022Số (No.): 1309 <b>(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)</b> <b>(EINVOICE DISPLAY VERSION)</b>					
Mã của CQT:008DB2F8D44E7D43B49052300DE51E269A					
Đơn vị bán hàng (Seller): <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CNC</b> Mã số thuế (Tax code): <b>0108382393</b> Địa chỉ (Address): Số 3 ngõ 64/22/2 phố Sài Đồng, tổ 12, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại (Tel): 0923186246 Số tài khoản (Bank A/C):					
Người mua hàng (Buyer): Tên đơn vị (Company): <b>CÔNG TY TNHH SIN CHI VIỆT NAM</b> Mã số thuế (Tax code): <b>0200787754</b> Địa chỉ (Address): Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt Số tài khoản (Bank A/C):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6 = 4 x 5</b>
1	Bộ từ developer type 28	Cái	2	1.500.000	3.000.000
2	Lô ép máy photo Ricoh MP 2001 SP	Cái	1	800.000	800.000
3	Gạt máy photo Ricoh MP 2001 SP	Cái	2	500.000	1.000.000
4	Bộ từ developer type 24	Cái	1	1.365.000	1.995.000
Tỷ giá (Exchange rate):		Cộng tiền hàng (Sub total):		<b>6.795.000</b>	
Thuế suất GTGT (VAT rate):10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):		<b>679.500</b>	
Tổng tiền thanh toán (Total of payment):				<b>7.474.500</b>	
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): <b>Bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng.</b>					
Người mua hàng (Buyer) (Chữ ký số (nếu có)) (Digital signature (if any))			Người bán hàng (Seller) (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) (E-Signature, Digital signature)		
<div style="border: 1px solid red; padding: 5px; display: inline-block;"><p>Signature Valid</p><p>Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CNC Ký ngày: 09/11/2022</p></div>					

## Biểu số 2.23: Phiếu chi tiền

**Đơn vị:** Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

**Địa chỉ:** Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 KCN  
Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn,  
Thành phố Hải Phòng.

**Mẫu số 02 - TT**

(Ban hành theo Thông tư số:  
200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của BTC)

### PHIẾU CHI

Số: 830

Ngày 09 tháng 11 năm 2022.

Nợ 627

Nợ 133

Có 111

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Công.

Địa chỉ: Số 3 ngõ 64/22/2 phố Sài Đồng, tổ 12, Phường Sài Đồng, Quận Long  
Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Lý do chi: Thanh toán tiền sửa máy photocopy

Số tiền: 7.474.500 (Viết bằng chữ): Bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn  
năm trăm đồng.

Kèm theo: 01..... Chứng từ gốc:.....

Ngày 09 tháng 11 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

## Biểu số 2.25: Nhật kí chung

Công ty TNHH SINCHI Việt Nam.

Mẫu số: S03a – DN

Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số: 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2022.

ĐVT: Đồng.

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
....	....	....	....	....	....	....
05/07/22	HD 1220 GBN 1089	05/07/22	Mua máy cắt ống hợp Inox YJ400 của công ty TNHH sản xuất tổng hợp Việt Nam	211	63.205.000	
				133	6.320.500	
				112		69.525.500
29/07/22	BBTL 142	29/07/22	Thanh lý máy gia công CNC SJ340 cho công ty CP Hisung	214	418.460.000	
				211		418.460.000
29/07/22	HD122 6 GBC1 099	29/07/22	Hạch toán từ bán máy gia công loại I SJ340 cho công ty CP Hisung	112	57.847.900	
				711		52.589.000
				333		5.258.900
02/08/22	PC731 HD 1230	02/08/22	Chi phí bảo dưỡng máy in	<b>642</b>	<b>6.750.000</b>	
				<b>133</b>	<b>675.000</b>	
				<b>111</b>		<b>7.425.000</b>
14/08/22	GBN 1120	14/08/22	Mua máy photocopy của công ty CPN	642	31.960.000	
				133	3.196.000	
				112		35.156.000
16/08/	PC 736	16/08/	Chi phí tiếp khách	642	9.200.000	

22	HĐ 1240	22	phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp	133	920.000	
				111		10.120.000
15/09/ 22	HĐ 1235	15/09/ 22	Mua máy cắt kim loại AP – 70 Đài Loan	211	70.500.000	
				133	7.050.000	
				331		77.550.000
09/11/ 22	HĐ 1390 PC 830	09/11/ 22	Chi phí sửa máy photocopy	642	6.795.000	
				133	679.500	
				111		7.474.500
31/12/ 22	PBKH 12	31/12/ 22	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2022	627	2.200.588.756	
				642	820.147.191	
				214		3.020.735.947
			....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>15.999.921.024.259</b>	<b>15.999.921.024.259</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán Trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám Đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Biểu số 2.25: Sổ cái TK 642

Công ty TNHH SINCHI Việt Nam.

Mẫu số: S03b – DNN

Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số: 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Năm 2022

ĐVT: Đồng.

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu năm				
02/08/22	PC 731 HĐ 1230	02/08/22	Chi phí bảo dưỡng máy in	111	6.750.000		
14/08/22	GBN 1120	14/08/22	Mua máy photocopy của công ty CPN	112	31.960.000		
16/08/22	PC 736 HĐ 1240	16/08/22	Chi phí tiếp khách phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp	112	9.200.000		
09/11/22	HĐ 1390 PC 830	09/11/22	Chi phí sửa máy photocopy	111	6.795.000		
31/12/22	PBK H 12	31/12/22	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2022	214	820.147.191		
			.....				
			Cộng số phát sinh		28.590.839.450	28.590.839.450	
			Số dư cuối năm				

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Người lập**

(Đã ký)

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)

**Giám Đốc**

(Đã ký tên, đóng dấu)



### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM.**

Những năm qua, trong quá trình phát triển kinh tế cùng với sự đổi mới của nền kinh tế, hệ thống kế toán Việt Nam đã không ngừng được cải cách, phát triển, hệ thống kiểm toán Việt Nam đã hình thành và ngày càng hoàn thiện, đóng góp tích cực vào việc kiểm kê, kiểm soát các hoạt động kinh tế - tài chính, tăng cường và nâng cao chất lượng quản lý tài chính quốc gia, quản lý Doanh nghiệp. Trong cơ chế kinh tế mới, hệ thống kế toán, kiểm toán Việt Nam đã và đang tiếp cận, hòa nhập với chuẩn mực, nguyên tắc để áp dụng phù hợp với tình hình, quy tắc của mỗi doanh nghiệp.

#### **3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY.**

Qua quá trình tìm hiểu công ty về công tác kế toán tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam nói chung và công tác kế toán TSCĐ nói riêng đã mang đến cho em cách nhìn cơ bản, một số đánh giá chung về công tác kế toán của công ty như sau:

##### **3.1.1. Ưu điểm.**

**Về công tác hạch toán TSCĐ nói chung:**

**a) Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Sinchi Việt Nam:** Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của công ty. Các phòng ban được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và thực hiện tốt các yêu cầu, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí và sử dụng lao động có hiệu quả cho công ty.

**b) Bộ máy quản lý:** Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay nhằm thực hiện giám sát, chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đầy đủ phù hợp với tình hình kinh tế của công ty. Với mô hình tổ chức này, năng lực của kế toán viên được khai thác một cách hiệu quả đồng thời hạn chế việc tiêu hao công sức.

**c) Hình thức kế toán:** Công ty áp dụng theo hình thức “Nhật kí chung”. Đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ

trên sổ Nhật kí chung, các sổ Cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

**d) Hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính:**

+ Việc căn cứ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định theo quyết định số TT 200/2014/QĐ- BTC. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH Sinchi Việt Nam sử dụng tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số TT 200/2014/QĐ- BTC.

+ Báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo dùng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

**Về công tác hạch toán TSCĐ nói riêng:**

- Kế toán chi tiết TSCĐ: Kế toán công ty lập thẻ TSCĐ để theo dõi cho từng tài sản. Điều này đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của từng TSCĐ trong công ty.

- Kế toán khấu hao TSCĐ: TSCĐ trong công ty được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Nguyên giá TSCĐ và thời gian sử dụng TSCĐ được kế toán xác định phù hợp với quy định hiện hành của Bộ tài chính.

- Công tác quản lý TSCĐ: TSCĐ được công ty kiểm kê, đánh giá vào thời điểm cuối năm. Việc này giúp công ty có khả năng kiểm soát được tình hình hiện trạng của TSCĐ đang sử dụng tại công ty. Căn cứ vào kết quả kiểm kê hàng năm, công ty đã có những biện pháp giải quyết kịp thời. Ngoài việc kiểm kê còn giúp cho nhà quản lý định ra nhiều phương pháp đầu tư vào TSCĐ cũng như việc đề ra những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

**3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được trong quản lý và hạch toán TSCĐ, công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định cần khắc phục và hoàn thiện cần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả kết quả kinh doanh.

- Về công tác luân chuyển chứng từ và bộ máy kế toán: Nhìn chung chứng từ luân chuyển trong công ty còn chậm ảnh hưởng đến các bộ phận phòng ban khác tại doanh nghiệp, dẫn đến công việc bị dồn vào cuối kỳ. Việc chứng từ luân chuyển chậm.

- *Về công tác sửa chữa lớn tài sản cố định:* Công ty có rất nhiều máy móc thiết bị nhưng hàng năm công ty chưa xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định. Điều này làm cho quá trình sản xuất của công ty có thể bị gián đoạn do hư hỏng.

- *Về ứng dụng công nghệ vào công tác kế toán:* Công ty chưa có phần mềm riêng của mình nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn nhiều khó khăn, tốn thời gian, nhân lực và công sức,... Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên Excel. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

### **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM.**

#### **3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Sinchi Việt Nam.**

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Sinchi Việt Nam thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các Chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành.

- Công tác kế toán cần đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn, không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như các đối tượng quan tâm khác. Đây là căn cứ thuyết phục cho các chủ đầu tư và các ngân hàng. Những thông tin sát với thực tế của doanh nghiệp sẽ giúp công ty có được những thành công trong tương lai.

- Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng nhưng cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra thông tin thiếu chính xác. Những thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc đưa quyết định.

Hoàn thành công tác kế toán TSCĐ phải hướng tới những tiện ích và máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả nhanh chóng.

### 3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác Tài sản cố định tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam.

- Giải pháp thứ nhất: *Về công tác luân chuyển chứng từ và bộ máy kế toán.*

Việc luân chuyển chứng từ từ các phòng ban tới phòng kế toán còn chậm gây dồn ứ công việc sang tháng làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên kế toán vất vả trong công việc.

Vì vậy để chứng từ được luân chuyển kịp thời và đầy đủ công ty nên có những quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng. Chẳng hạn như doanh nghiệp có thể quy định đến các ngày nhất định trong tháng các phòng, ban phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất. Với công nghệ thông tin bây giờ rất hiện đại có thể sử dụng các ứng dụng của mạng internet như email...

Công ty có chế độ, quy định thưởng với những phòng ban luân chuyển chứng từ kịp thời và phê bình, kỷ luật đối với những cá nhân, tập thể không thực hiện đúng quy định để quản lý giờ làm việc, bàn giao công việc hợp lý và trách nhiệm của từng người để tăng hiệu suất làm việc.

- Giải pháp thứ hai: *Về công tác sửa chữa lớn tài sản cố định.*

Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định Sửa chữa lớn TSCĐ là hoạt động mang tính chất khôi phục hoặc nâng cấp, cải tạo khi TSCĐ bị hư hỏng nặng. Hoặc theo yêu cầu đảm bảo kỹ thuật để nâng cao năng lực sản xuất và hiệu suất hoạt động của tài sản. Thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng. Vì vậy công ty cần có kế hoạch cũng như dự trù kinh phí cho sửa chữa lớn tài sản cố định.

Nếu dựa vào phương thức tiến hành sửa chữa TSCĐ thì doanh nghiệp có thể làm theo 2 phương thức:

+ Phương thức thuê ngoài: Doanh nghiệp sẽ tổ chức cho các đơn vị bên ngoài đấu thầu hoặc giao thầu sửa chữa và ký hợp đồng sửa chữa với đơn vị trúng thầu hoặc nhận thầu. Hợp đồng phải quy định rõ về giá giao thầu sửa chữa tài sản cố định, thời gian giao nhận, nội dung công việc sửa chữa... Hợp đồng giao thầu sửa chữa TSCĐ sẽ là cơ sở để doanh nghiệp quản lý, kiểm tra, điều hành công tác sửa chữa TSCĐ.

+ Phương thức tự làm: Doanh nghiệp phải chi trả ra các khoản chi phí sửa chữa cho TSCĐ như: chi phí vật liệu, phụ tùng hay nhân công... Công việc sửa chữa TSCĐ có thể được thực hiện bởi bộ phận quản lý, sử dụng TSCĐ hay bộ phận sản xuất kinh doanh phụ của doanh nghiệp thực hiện.

\* *Tài khoản sử dụng:*

TK 241 (2413): Sửa chữa lớn TSCĐ;

TK 242: Chi phí trả trước và các tài khoản liên quan: TK 111,112,...

\* *Phương pháp hạch toán:* Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

*Theo phương thức tự làm:* Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:

Nợ TK 241- XDCB dở dang

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112, 152...

Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ:

Nợ TK 154, 642

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất, kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, tiến hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước hoặc chi phí phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 242- Chi phí trả trước

Nợ TK 335- Nếu công ty có trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Có TK 241-XDCB dở dang (2143)

+ Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

Theo phương thức giao thầu: Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn do bên nhận thầu bàn giao, ghi: Nợ TK 241- XDCB dở dang (2413)

## Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ Có TK 331- Phải trả cho người bán.

- Giải pháp thứ ba: Ứng dụng công nghệ vào công tác kế toán.

Trong thời đại công nghệ 4.0 việc ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào doanh nghiệp là một xu hướng tất yếu. Có rất nhiều công ty cung cấp phần mềm kế toán cho doanh nghiệp như Misa, Bravo, Effect, Fast,... Các phần mềm này được xem như một số giải pháp tối ưu trong việc theo dõi, đo lường và quản lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty có thể tham khảo phần mềm kế toán phổ biến cho doanh nghiệp vừa và nhỏ như sau:

### Phần mềm kế toán MISA:

+ *Giới thiệu chung:* Phần mềm kế toán có chức năng là hoạt động quản lý bán hàng, giá bán, mua hàng, quỹ tài chính, hợp đồng, ngân sách. Vì thế, nó được được nhiều loại hình doanh nghiệp sử dụng, kể cả các ngân hàng, kho bạc, hay tổ chức tài chính. Nhờ các chức năng này mà kế toán giảm được áp lực công việc, dữ liệu không bị sai sót. Đồng thời, doanh nghiệp dễ dàng quản lý tài chính một cách khoa học, tiết kiệm nhân lực và thời gian.

NGÀY HẠCH TOÁN	SỐ CHỨNG TỬ	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN	ĐỐI TƯỢNG	LÝ DO THU/CH	CHỨC NĂNG
29/09/2021	PT.19.21-009	Thu tiền của Công ty Cổ phần Minh Tâm Hà Nội	3.000.000.000	Công ty Cổ phần Minh Tâm Hà Nội	Thu khác	Xem
29/09/2021	PT.19.21-008	Thu tiền khách hàng Công ty TNHH Bảo Cảnh	49.670.000	Công ty TNHH Bảo Cảnh	Phiếu thu tiền mặt khách hàng	Xem
29/09/2021	PC0008	Trả tiền cho Công ty Fuji theo hóa đơn 0237699	334.950.000	Công ty Fuji	Phiếu chi trả tiền nhà cung cấp	Xem
29/09/2021	PC0007	Trả tiền cho Công ty Cổ phần Hà Thành theo hóa đơn ĐPN	70.000.000	Công ty Cổ phần Hà Thành	Phiếu chi trả tiền nhà cung cấp	Xem
17/09/2021	PC0006	Chi tiền cho Lê Thị Mai AA	3.300.000	Lê Thị Mai AA	Chi khác	Xem
25/08/2021	PT0006	Thu tiền bán hàng Công ty Cổ phần Hoàng Cầu	4.400.000	Công ty Cổ phần Hoàng Cầu	Bán hàng hóa trong nước - Tiền mặt	Xem
25/08/2021	PT0005	Thu tiền bán hàng Công ty TNHH Bảo Cảnh	0	Công ty TNHH Bảo Cảnh	Bán hàng hóa trong nước - Tiền mặt	Xem
19/08/2021	PC0003	Phi dịch vụ cho Công ty Cổ phần Hà Thành	2.200.000	Công ty Cổ phần Hà Thành	Chi phí mua dịch vụ - Tiền mặt	Xem
02/08/2021	PC0001	Chi tiền cho Công ty TNHH Hồng Hà	20.000.000	Công ty TNHH Hồng Hà	Chi khác	Xem
Tổng			4.524.846.000			

Hình ảnh cải tiến giao diện mới nhất của MISA 2021

+ *Đặc điểm:* Phần mềm kế toán MISA gồm 17 phân hệ: Phân tích tài chính, phân hệ quỹ tiền mặt, phân hệ thủ quỹ, phân hệ ngân hàng, phân hệ mua hàng, phân hệ bán hàng, phân hệ hóa đơn, phân hệ kho, phân hệ thủ kho, phân hệ công cụ dụng cụ, phân hệ tài sản cố định, phân hệ hợp đồng, phân hệ lương, phân hệ thuế, phân hệ giá thành, phân hệ ngân sách, phân hệ tổng hợp.



+ *Ưu điểm:*

- Nghiệp vụ: Đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực.
- Dễ tiếp cận và cài đặt, dễ sử dụng. Quy trình hạch toán bằng hình ảnh dễ hiểu, dễ sử dụng có kèm theo hướng dẫn.
- Công tác tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp được thực hiện tốt và chuyên nghiệp thông qua nhiều kênh website, e- mail, fax, điện thoại.
- Giá cả hợp lý, công nghệ hiện đại

+ *Nhược điểm:*

- Đòi hỏi máy tính cài đặt phải có cấu hình tương đối cao, chương trình phần mềm chạy mượt;
- Thường được bảo trì hoặc nâng cấp hệ thống, do đó, đôi khi xảy ra tình trạng lỗi hoặc chậm;
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

- Các báo cáo khi kết xuất ra file excel không được sắp xếp theo đúng thứ tự như trước đó, đây là một nhược điểm gây tốn công sức và thời gian cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

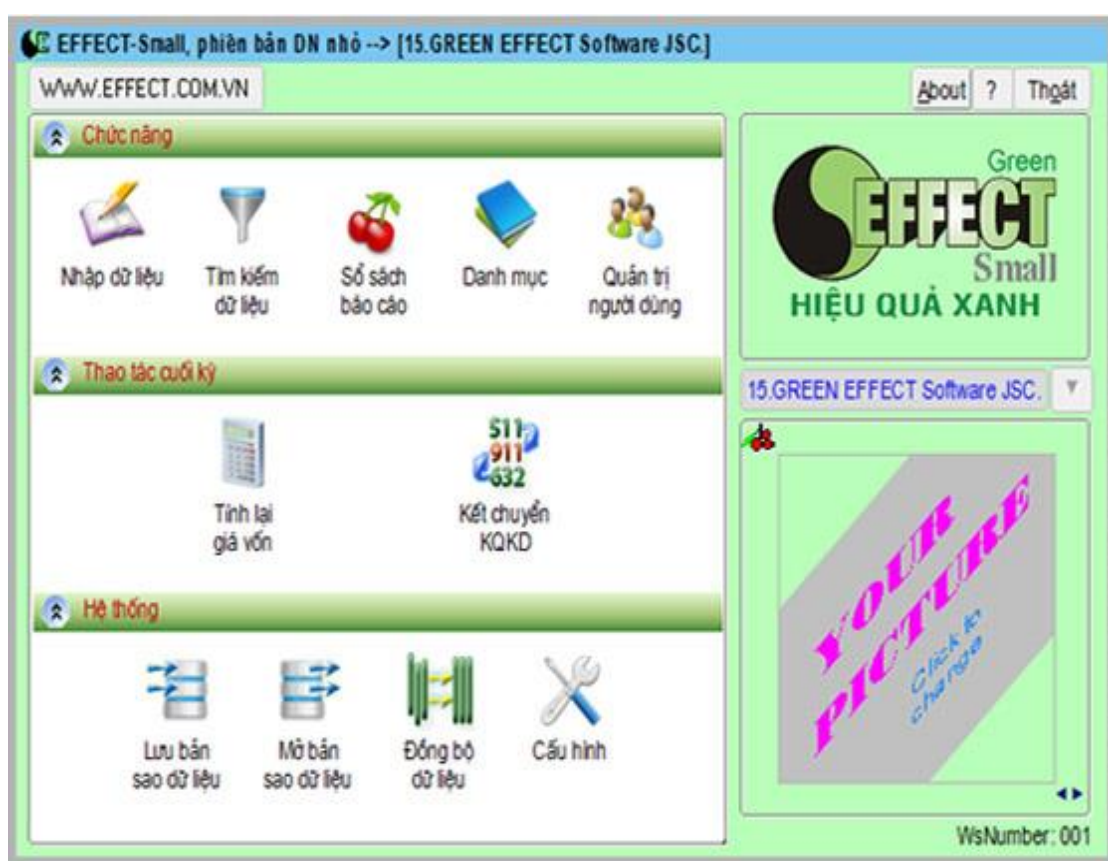
- Chưa xử lý được triệt để vấn đề hoa hồng trong nghiệp vụ xử lý tiền lương.

- Khó khăn khi in sổ chi tiết.

### Phần mềm kế toán: Effect

+ *Giới thiệu chung:* Là một trong những phần mềm phân rõ các lĩnh vực kinh doanh, Effect cho phép doanh nghiệp thiết kế, sử dụng một phần mềm dành riêng cho mình với mức chi phí vừa phải. Đối với các doanh nghiệp nhỏ sẽ có phần mềm kế toán **Effect Standard** (có thể sử dụng miễn phí), các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn sẽ có phần mềm riêng gọi là **Effect-SQL**.

+ *Đặc điểm:* Phần mềm Effect là phần mềm kế toán động bao gồm 12 phần hành, chức năng là tiền mặt-tiền gửi- sổ sách kế toán- chi phí: vật tư- hàng hóa; mua hàng- bán hàng; công nợ, tài sản cố định- công cụ dụng cụ; giá thành sản xuất; lao động- tiền lương; công trình xây lắp- vụ việc- hợp đồng; thuế GTGT; nhật kí chứng từ; báo cáo tài chính; thuyết minh báo cáo tài chính.





+ *Ưu điểm:*

- Phần mềm không yêu cầu kích hoạt.
- Hiệu suất với kế toán thuế nhờ tích hợp với hệ thống kê khai thuế cùng với đó là cho thay đổi tối ưu dữ liệu đúng luật thuế.
- Tích hợp dịch vụ trực tuyến sẵn sàng tư vấn khách hàng mọi lúc mọi nơi thông qua Internet.
- Được tích hợp với dịch vụ hóa đơn điện tử, giúp kế toán viên thay thế công việc in ấn bằng việc sử dụng hóa đơn điện tử, do vậy giảm thời gian và chi phí.
- Được tích hợp tất cả 24 phân hệ kế toán và quản trị nhằm đáp ứng nhiều loại công ty.

+ *Nhược điểm:*

- Phần mềm Effect chỉ mở một module duy nhất trong khi thực hiện hoạt động, không được thao tác các thao tác trên những tab khác nhau cùng một lúc.
- Vài tính năng còn hạn chế, chỉ thích hợp với quy mô nhỏ.
- Font chữ, màu sắc giao diện dễ gây khó khăn cho người dùng trong khi làm việc, mặt khác giao diện cũng không dễ chịu với người dùng.
- Ở phân hệ thuế phần mềm Effect trên bảng kê mua vào và bảng kê bán ra không được dòng tổng cộng và cách truy xuất ngược về chứng từ ban đầu.

## KẾT LUẬN

Tài sản cố định là yếu tố đóng vai trò quan trọng trong bất cứ một doanh nghiệp hay tổ chức nào. Việc hạch toán tài sản cố định giúp doanh nghiệp có thể kiểm soát được tình hình tài sản cố định hiện có nắm bắt hiệu quả của việc đầu tư vào tài sản cố định để từ đó có những chính sách điều chỉnh chính xác, kịp thời.

Qua bài khóa luận trên em đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã nêu thực trạng về tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH SinChi Việt Nam.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH SinChi Việt Nam. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2022).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

Thời gian thực tập có ngắn, kiến thức còn hạn hẹp nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ, góp ý của thầy, cô giáo và của phòng kế toán công ty để chuyên đề của em được phong phú và lý luận sát với thực tiễn ở công ty.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong Công ty TNHH SinChi Việt Nam; cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và đặc biệt là thầy giáo Ths. Nguyễn Văn Thụ đã giúp em để em có thể hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp của mình. Em xin chân thành cảm ơn!

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ Tài chính, Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Các trang web:

<http://tapchiketoan.com>

<http://www.tailieu.vn>

<http://Vietnam.net>